



HƯỚNG DẪN THI HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM KHÓA XIII

1. Đối tượng và điều kiện gia nhập Công đoàn Việt Nam theo Điều 1 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

1.1. Đối tượng gia nhập tổ chức Công đoàn Việt Nam

Người Việt Nam đang làm việc hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm:

a. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp. Đối với cơ quan xã, phường, thị trấn bao gồm những người hưởng lương, định suất lương, phụ cấp, đang làm việc trong cơ quan hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

b. Người lao động làm công hưởng lương đang làm việc trong các đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã.

c. Người lao động đang làm việc trong các văn phòng, cơ quan đại diện của tổ chức nước ngoài, tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam.

d. Người được cơ quan có thẩm quyền cử làm đại diện quản lý phần vốn của Nhà nước đang giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

đ. Người đang là thành viên tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp nếu có nguyện vọng thì phải có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam và phải thôi là thành viên tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp, thì được xem xét kết nạp là đoàn viên Công đoàn Việt Nam. Trường hợp tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp xin gia nhập Công đoàn Việt Nam thì thực hiện theo quy định tại **Mục 14 của Hướng dẫn này**.

e. Người lao động tự do hợp pháp có việc làm phi chính thức, nếu cùng ngành nghề, cùng địa bàn hoặc làm việc cho một hoặc nhiều đơn vị sử dụng lao động thì được tập hợp sinh hoạt công đoàn theo mô hình nghiệp đoàn cơ sở.

1.2. Đối tượng không kết nạp vào tổ chức Công đoàn Việt Nam

a. Người nước ngoài lao động tại Việt Nam.

b. Người quản lý doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, bao gồm: Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, chủ tịch công ty, chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc, người được uỷ quyền ký hợp đồng lao động với người lao động, trừ đối tượng đã quy định tại **điểm d Mục 1.1 của Hướng dẫn này**.

c. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

d. Xã viên hợp tác xã nông nghiệp.

đ. Người đang trong thời gian chấp hành các hình phạt tù theo quyết định của tòa án.

1.3. Đoàn viên danh dự của Công đoàn Việt Nam

a. Người đang là đoàn viên hoặc cán bộ công đoàn khi trở thành đối tượng thuộc Mục 1.2 Hướng dẫn này thì đương nhiên thôi là đoàn viên, thôi là cán bộ công đoàn, nhưng nếu có nguyện vọng tiếp tục được tham gia công đoàn thì ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở xem xét công nhận là đoàn viên danh dự.

b. Đoàn viên danh dự có quyền và nhiệm vụ như đoàn viên công đoàn, trừ quyền biểu quyết các công việc của tổ chức công đoàn, quyền ứng cử, đề cử chức danh cán bộ công đoàn, bầu cử đại biểu chính thức dự đại hội công đoàn cấp trên.

1.4. Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người nước ngoài lao động hợp pháp tại Việt Nam, nếu có nguyện vọng thì được Công đoàn Việt Nam tập hợp theo các hình thức tổ chức như sau:

a. Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trên cơ sở quy định của luật pháp quốc gia sở tại cho phép thì liên kết để hình thành hội hoặc câu lạc bộ của người lao động Việt Nam, được Công đoàn Việt Nam hỗ trợ cung cấp thông tin về các vấn đề liên quan đến quyền của người lao động, các hình thức bảo vệ, tự bảo vệ quyền lợi của người lao động Việt Nam ở nước ngoài; thông tin về Công đoàn Việt Nam và chương trình hợp tác của Công đoàn Việt Nam với tổ chức công đoàn nước sở tại (nếu có) trong việc hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b. Người nước ngoài lao động hợp pháp tại Việt Nam hình thành các câu lạc bộ để tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện, hoạt động quần chúng, được Công đoàn Việt Nam hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, các chương trình từ thiện, các phong trào thi đua do công đoàn phát động; được động viên, thăm hỏi, hỗ trợ khi có khó khăn vướng mắc hoặc khi có đề nghị của công đoàn quốc tế có quan hệ hợp tác với Công đoàn Việt Nam.

2. Quyền của đoàn viên theo Điều 2 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

2.1. Đoàn viên công đoàn đang làm việc ở nơi chưa có tổ chức công đoàn cơ sở được hưởng một số quyền như sau: Được liên kết, lập ban vận động thành lập công đoàn cơ sở tại nơi mình làm việc, có quyền vận động người lao động chưa là đoàn viên gia nhập Công đoàn Việt Nam; được đề nghị công đoàn cấp trên đại diện, bảo vệ

quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng khi bị xâm phạm và được tuyên truyền, phổ biến, tư vấn các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2.2. Đoàn viên được tạm dừng sinh hoạt công đoàn và không phải đóng đoàn phí trong các trường hợp:

- Do ảnh hưởng chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh mà đơn vị sử dụng lao động phải tạm ngừng hoạt động và thực hiện biện pháp tạm hoãn hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc đối với người lao động.

- Do đơn vị, doanh nghiệp thay đổi công nghệ, dây chuyền sản xuất, chuyển đổi phương án sản xuất kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động.

- Cá nhân hoặc gia đình bị ảnh hưởng chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, ốm đau phải điều trị dài ngày chưa biết thời gian khỏi bệnh phải tạm hoãn hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, mất việc làm (không quá 12 tháng).

- Các trường hợp khác theo quy định của Tổng Liên đoàn.

2.3. Khi đoàn viên đủ tuổi nghỉ hưu mà tiếp tục làm việc theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nếu có nguyện vọng thì được ban chấp hành công đoàn cơ sở nơi đoàn viên đang làm việc xem xét tiếp tục là đoàn viên công đoàn mà không phải kết nạp lại. Trường hợp làm việc phi chính thức thì do ban chấp hành nghiệp đoàn cơ sở nơi đoàn viên đang làm việc xem xét, quyết định.

3. Thủ tục gia nhập Công đoàn Việt Nam, thẻ đoàn viên và chuyển sinh hoạt công đoàn theo Điều 3 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

3.1. Thủ tục gia nhập Công đoàn Việt Nam

a. Người gia nhập Công đoàn Việt Nam phải có đơn xin gia nhập. Đơn gia nhập công đoàn Việt Nam gồm: Đơn cá nhân thì phải có chữ ký của người viết đơn (cho phép sử dụng đơn điện tử và phải có chữ ký số của người viết đơn). Đơn của tập thể thì phải có chữ ký của từng người lao động.

b. Nơi đã có công đoàn cấp cơ sở, người lao động nộp đơn lên ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở để được xem xét, quyết định kết nạp đoàn viên và tổ chức lễ kết nạp theo quy định. Công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, tổ công đoàn có từ 150 đoàn viên trở lên được uỷ quyền tổ chức lễ kết nạp.

Trong buổi lễ có thể cùng lúc kết nạp nhiều đoàn viên; những người được kết nạp phải có mặt tại buổi lễ (trừ trường hợp vắng có lý do chính đáng), công đoàn cấp cơ sở công bố quyết định kết nạp đoàn viên, trao quyết định và trao thẻ cho đoàn viên công đoàn (nếu có), phân công nơi sinh hoạt của đoàn viên.

c. Nơi chưa có công đoàn cấp cơ sở

- Người lao động nộp đơn xin gia nhập công đoàn cho công đoàn cấp trên nơi gần nhất hoặc ban vận động thành lập công đoàn cấp cơ sở (nếu có).

+ Trường hợp nộp đơn cho công đoàn cấp trên: Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, công đoàn cấp trên phải xem xét, quyết định việc kết nạp hoặc không kết nạp đoàn viên và giới thiệu nơi sinh hoạt cho đoàn

viên khi có quyết định kết nạp.

+ Trường hợp người lao động nộp đơn cho ban vận động thành lập công đoàn cấp cơ sở: Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn, nếu nơi người lao động có đơn xin gia nhập công đoàn, chưa đủ điều kiện thành lập công đoàn cấp cơ sở thì người lao động có quyền chuyển đơn lên công đoàn cấp trên xem xét, quyết định kết nạp đoàn viên và được giới thiệu sinh hoạt tại công đoàn cấp cơ sở gần nơi đoàn viên đang làm việc nhất, cho đến khi công đoàn cấp cơ sở tại nơi làm việc được thành lập.

- Trường hợp có đủ người lao động liên kết thành lập công đoàn cấp cơ sở theo quy định, thì ban vận động tổ chức đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở và đề nghị công đoàn cấp trên công nhận theo quy định tại **Mục 13 của Hướng dẫn này**.

d. Việc kết nạp lại đoàn viên công đoàn: Đoàn viên đã xin ra khỏi tổ chức công đoàn, nếu có đơn gia nhập lại Công đoàn Việt Nam gửi công đoàn cấp cơ sở nơi làm việc, ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở có trách nhiệm xem xét, thẩm định, nếu đủ điều kiện thì ban hành quyết định kết nạp lại.

Đối với đoàn viên bị kỷ luật khai trừ, nếu có đơn xin gia nhập lại Công đoàn Việt Nam gửi công đoàn cấp cơ sở nơi làm việc, ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở xem xét, thẩm tra, xác minh, báo cáo bằng văn bản và đề nghị công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở xem xét, quyết định kết nạp lại, trường hợp không kết nạp lại thì phải có văn bản thông báo cho đoàn viên biết lý do.

3.2. Sử dụng thẻ đoàn viên công đoàn trong các trường hợp sau:

a. Biểu quyết tại đại hội, hội nghị của tổ chức công đoàn khi cần thiết.

b. Xuất trình thẻ đoàn viên khi chuyển sinh hoạt công đoàn, tham gia các hoạt động do công đoàn tổ chức (khi có yêu cầu), cần tư vấn hoặc cần giúp đỡ của công đoàn các cấp.

c. Xuất trình thẻ đoàn viên với công đoàn cấp trên để được tham gia sinh hoạt công đoàn khi nơi làm việc chưa có tổ chức công đoàn, hoặc tổ chức công đoàn nơi làm việc bị giải thể hoặc trong thời gian nghỉ việc do chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, mất việc trong thời gian 12 tháng mà chưa tìm được việc làm.

d. Sử dụng thẻ đoàn viên công đoàn để được hưởng ưu đãi của tổ chức công đoàn.

3.3. Công tác quản lý đoàn viên công đoàn

a. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn thống nhất quản lý đoàn viên công đoàn thông qua hệ thống phần mềm quản lý đoàn viên của Tổng Liên đoàn. Trường hợp quản lý bằng thẻ đoàn viên, mã số thẻ đoàn viên thì phân cấp cho liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn thực hiện in thẻ đoàn viên.

b. Thẻ đoàn viên được trao cho đoàn viên trong buổi lễ kết nạp hoặc sau khi được kết nạp vào tổ chức Công đoàn Việt Nam. Đoàn viên nhận được thẻ phải

có trách nhiệm bảo quản giữ gìn thẻ cẩn thận, sử dụng thẻ đoàn viên đúng nguyên tắc, đúng mục đích. Trường hợp bị mất thẻ hoặc bị hỏng thẻ, đoàn viên phải báo ngay với ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở nơi đang sinh hoạt để được xem xét cấp lại hoặc đổi lại thẻ đoàn viên. Khi phát hiện thẻ đoàn viên giả phải báo cáo kịp thời với ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở hoặc công đoàn cấp trên.

c. Khi không còn là đoàn viên công đoàn hoặc đoàn viên công đoàn bị khai trừ thì công đoàn cấp cơ sở nơi đoàn viên công đoàn sinh hoạt trước đó hoặc công đoàn cấp trên xóa tên¹ và thu hồi thẻ đoàn viên công đoàn.

3.4. Thủ tục chuyển sinh hoạt công đoàn

a. Khi chuyển đến nơi làm việc mới, đoàn viên phải xuất trình thẻ đoàn viên hoặc khai báo trên phần mềm quản lý đoàn viên và cung cấp mã số thẻ đoàn viên cho ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở để được sinh hoạt công đoàn. Nếu đoàn viên chưa được cấp thẻ, cấp mã số thẻ, ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở nơi đoàn viên công đoàn chuyển đi có trách nhiệm cấp giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt công đoàn cho đoàn viên.

b. Trường hợp nơi đoàn viên chuyển đến làm việc chưa có tổ chức công đoàn thì đoàn viên liên hệ với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi gần nhất theo địa giới hành chính để được hướng dẫn, giúp đỡ tiếp tục tham gia công đoàn.

4. Cán bộ công đoàn theo Điều 4 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

4.1. Cán bộ công đoàn bao gồm: Tổ trưởng, tổ phó công đoàn, ủy viên ban chấp hành công đoàn các cấp; ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp, thành viên các ban quản chúng của công đoàn các cấp thông qua bầu cử hoặc cấp công đoàn có thẩm quyền chỉ định. Cán bộ, công chức làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ trong tổ chức bộ máy của công đoàn các cấp.

4.2. Quản lý cán bộ công đoàn

- Cán bộ công đoàn chuyên trách và không chuyên trách do tổ chức công đoàn ra quyết định công nhận (theo phân cấp đối với từng cấp công đoàn).

- Cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ nguồn tài chính công đoàn do công đoàn trực tiếp quản lý, thực hiện chính sách cán bộ theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Đảng và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Cán bộ công đoàn chuyên trách không hưởng lương từ nguồn tài chính công đoàn và cán bộ công đoàn không chuyên trách thì tổ chức công đoàn và đơn vị, doanh nghiệp cùng phối hợp quản lý và thực hiện chính sách cán bộ, theo nguyên tắc: Đơn vị, doanh nghiệp thực hiện trả lương, nâng ngạch, bậc lương và các chế độ, chính sách quản lý cán bộ theo quy định chung của đơn vị, doanh nghiệp. Công đoàn cấp trên chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ và nội dung hoạt động công đoàn; giám sát việc thực hiện chính sách đối với cán bộ công đoàn theo quy định của pháp luật và thực hiện chế độ phụ cấp theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

¹ Quy định 24/2021 của Đảng: Không phải hình thức kỷ luật

4.3. Về tuyển dụng, điều động, tiếp nhận, bố trí làm cán bộ công đoàn tại cơ quan công đoàn các cấp

a. Cán bộ công đoàn làm việc tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nếu đủ điều kiện về trình độ, năng lực, tiêu chuẩn, uy tín theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thì làm hồ sơ gửi ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở nơi đang làm việc để được xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền tuyển dụng, điều động, tiếp nhận, bố trí làm công việc phù hợp tại các cơ quan của công đoàn.

b. Hồ sơ tuyển dụng, điều động, tiếp nhận

- Cá nhân phải có đầy đủ hồ sơ, lý lịch theo quy định, các văn bằng chứng chỉ đáp ứng các vị trí cần tuyển dụng.

- Có ít nhất năm năm làm chủ tịch công đoàn không chuyên trách cấp cơ sở, có ít nhất ba năm làm cán bộ công đoàn chuyên trách cấp cơ sở.

- Có đủ sức khỏe và các điều kiện khác theo quy định.

- Có văn bản đề nghị của ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở nơi cán bộ công đoàn đang làm việc.

c. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền xét tuyển dụng, điều động, tiếp nhận

- Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn trực tiếp tổ chức tuyển dụng, điều động, tiếp nhận cán bộ làm việc tại cơ quan Tổng Liên đoàn, các công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

- Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn uỷ quyền cho công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn tổ chức tuyển dụng, điều động, tiếp nhận cán bộ làm việc tại công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc sau khi có văn bản đề nghị và được sự đồng ý của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

- Đối với các tỉnh, thành phố: Thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ công đoàn chuyên trách do tỉnh uỷ, thành uỷ quyết định.

d. Khi nhân sự giới thiệu đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì thực hiện trình tự, thủ tục tuyển dụng, điều động, tiếp nhận theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn; trường hợp không đồng ý đối với nhân sự phải có văn bản thông báo cho công đoàn cấp dưới và cán bộ công đoàn biết lý do.

5. Miễn nhiệm, thôi chức cán bộ công đoàn theo Điều 6 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

5.1. Các căn cứ và quy trình xem xét miễn nhiệm cán bộ công đoàn:

a. Việc xem xét miễn nhiệm cán bộ công đoàn được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

- Người bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng uy tín giảm sút không thể đảm nhiệm chức vụ được giao.

- Người bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một nhiệm kỳ hoặc

trong thời hạn bổ nhiệm.

- Trong nhiệm kỳ không tham dự trên 50% số kỳ họp của tổ chức công đoàn, kể từ khi được bầu hoặc bổ nhiệm, chỉ định làm cán bộ công đoàn.

- Người bị bác tư cách đại biểu quy định tại khoản 5 Điều 10 Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

- Có trên hai phần ba (2/3) số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ họp lấy phiếu theo quy định.

- Có hai năm liên tiếp xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

- Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm (đối với cán bộ công đoàn là đảng viên); vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị, tổ chức công đoàn nơi đang làm việc.

- Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

b. Quy trình xem xét miễn nhiệm cán bộ công đoàn:

- Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm, chậm nhất trong thời gian 10 ngày làm việc, ban chấp hành công đoàn có trách nhiệm trao đổi với cán bộ công đoàn bị xem xét miễn nhiệm, đồng thời tổ chức hội nghị để biểu quyết bằng phiếu kín theo đa số, sau đó làm văn bản đề xuất công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

- Công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của công đoàn cấp dưới, trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

c. Hồ sơ miễn nhiệm cán bộ công đoàn:

- Tờ trình của ban chấp hành công đoàn nơi cán bộ công đoàn làm việc bị xem xét miễn nhiệm.

- Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản, nghị quyết hội nghị, biên bản kiểm phiếu, danh sách trích ngang của cá nhân và các tài liệu liên quan.

5.2. Trình tự, thủ tục cho thôi chức cán bộ công đoàn:

a. Tự nguyện, chủ động xin thôi chức cán bộ công đoàn:

- Do không đủ sức khỏe, hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Vì các lý do chính đáng khác.

b. Các trường hợp không được xem xét cho thôi chức cán bộ công đoàn:

- Khi được cơ quan có thẩm quyền cử làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

quốc gia; đang đảm nhận nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật; phòng chống thiên tai, dịch bệnh; nếu thôi giữ chức vụ ngay sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của Đảng và Nhà nước và tổ chức công đoàn.

- Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Đảng và pháp luật.

c. Quy trình xem xét cho thôi chức cán bộ công đoàn:

- Cán bộ công đoàn xin thôi chức phải làm đơn gửi ban chấp hành công đoàn nơi mình làm việc.

- Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn xin thôi chức cán bộ công đoàn, ban chấp hành công đoàn trao đổi với cán bộ công đoàn có đơn xin thôi chức. Sau khi được ban chấp hành công đoàn trao đổi mà cán bộ công đoàn xin rút đơn thì dừng việc xem xét; trường hợp cán bộ công đoàn không rút đơn thì tiến hành các thủ tục xem xét, quyết định cho thôi chức, như sau:

- Tổ chức hội nghị ban thường vụ, ban chấp hành (nơi không có ban thường vụ) để xem xét, biểu quyết bằng phiếu kín theo đa số.

- Tổ chức hội nghị đại biểu hoặc hội nghị toàn thể đoàn viên để xem xét, biểu quyết bằng phiếu kín theo đa số.

- Ban hành quyết định cho thôi chức cán bộ công đoàn, trường hợp không đồng ý thì phải nêu rõ lý do và thông báo cho người có đơn xin thôi chức cán bộ công đoàn và báo cáo công đoàn cấp trên trực tiếp biết.

d. Hồ sơ xem xét cho thôi chức cán bộ công đoàn:

- Tờ trình của bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ hoặc ban chấp hành công đoàn nơi cán bộ công đoàn làm việc có đơn xin thôi chức.

- Các văn bản có liên quan: Quyết định, văn bản kết luận, ý kiến của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, đơn đề nghị của cán bộ công đoàn.

- Biên bản hội nghị và biên bản kiểm phiếu.

6. Về Huy Hiệu, Cờ, Bài hát truyền thống của Công Đoàn Việt Nam theo Điều 8 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

6.1. Huy Hiệu Công đoàn Việt Nam

a. Mô tả Huy hiệu

- Bánh xe răng công nghiệp có 13 răng màu đen không bị che lấp, đặt ở trung tâm quả địa cầu, phía trên bánh xe răng công nghiệp có Quốc kỳ Việt Nam ở chính giữa.

- Thước cặp màu đen đặt bên trong bánh xe răng công nghiệp, trên nền màu xanh da trời.

- Quyển sách màu trắng đặt chính giữa, phía trước, bên dưới bánh xe răng công nghiệp.

- Toàn bộ hình tròn lớn có nền màu vàng kim loại, đường kính tuyến, vĩ tuyến màu trắng.

- Phía dưới là băng dải lụa cuốn cách điệu **màu xanh công nhân**, bên trong dải lụa có chữ “CĐVN”.

b. Sử dụng Huy hiệu Công đoàn Việt Nam

- Huy hiệu Công đoàn Việt Nam được sử dụng thống nhất trong hoạt động của công đoàn các cấp, đúng màu sắc, bố cục như Huy hiệu in trên Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn có hướng dẫn riêng về quy chuẩn màu sắc của Huy hiệu Công đoàn Việt Nam.

- Những trường hợp bắt buộc sử dụng Huy hiệu Công đoàn Việt Nam gồm:

+ Đại hội, hội nghị công đoàn các cấp.

+ Lễ kết nạp đoàn viên, lễ thành lập tổ chức công đoàn, lễ kỷ niệm ngày truyền thống của tổ chức Công đoàn Việt Nam.

+ Trụ sở hoặc nơi làm việc của công đoàn các cấp. Trường hợp không có trụ sở thì treo tại phòng làm việc của chủ tịch công đoàn.

+ Văn kiện in thành sách của công đoàn các cấp.

+ Thẻ đoàn viên công đoàn.

+ Các công trình, sản phẩm, trang phục nhận diện Công đoàn Việt Nam.

6.2. Cờ Công đoàn Việt Nam

a. Mô tả Cờ Công đoàn Việt Nam



- Lá Cờ hình chữ nhật, Chiều rộng bằng 2/3 chiều dài.

- Huy hiệu Công đoàn Việt Nam (bán kính bằng 1/5 chiều dài), đặt chính giữa lá cờ (tâm của huy hiệu Công đoàn Việt Nam trùng với giao điểm của hai đường chéo của lá cờ). Trục dọc của huy hiệu vuông góc với cạnh dài của lá cờ, và hướng thẳng lên phía trên theo đầu cột treo.

- Nền cờ màu xanh coban.

b. Những trường hợp bắt buộc sử dụng Cờ Công đoàn Việt Nam

- Treo trước trụ sở, văn phòng, phòng truyền thống của tổ chức công đoàn.

- Treo tại đại hội, hội nghị của tổ chức công đoàn.

- Sử dụng trong các hoạt động tập thể của tổ chức công đoàn.

6.3. Bài hát truyền thống của Công đoàn Việt Nam

a. Tên bài hát: “Hãy hát lên bài ca công đoàn”, nhạc và lời của nhạc sỹ Lê Tú Anh:

HÃY HÁT LÊN BÀI CA CÔNG ĐOÀN

Trong sáng - Hào hùng Nhạc và lời: Lê Tú Anh

The musical score is written in G major and 2/4 time. It consists of 12 staves of music with Vietnamese lyrics. The lyrics describe the spirit of the labor union, mentioning the construction of a new country and the well-being of workers. The score includes a key signature change to D major for the final section.

Từ thành phố tới núi rừng xa thẳm, sum họp về đây vang khúc
hát công đoàn. Công đoàn Việt Nam xây dựng nước non tươi
đẹp, cùng nhau đi tới bước dưới cờ Đảng quang vinh. Vì cuộc sống của người lao
động, vì quyền lợi giai cấp công nhân, vì Chủ nghĩa xã hội ta đi
tới. Nào bạn ơi; hát vang bài ca
mai; tiến lên ban ơi,
Công đoàn Việt Nam cuộc sống của ta, Cùng đoàn
Công đoàn Việt Nam vang mãi bài ca Cùng đoàn
kết dưới cờ búa liềm, kìa đội ngũ công đoàn lớn mạnh, cùng nhau đi tới xây
kết dân tộc khắp miền, vì tổ quốc chúng ta tiến lên, cùng nhau xây đắp thắm
1. 2.
dùng Việt Nam yêu dấu. Vì ngày... Tổ nước non này
Tổ Đất nước đẹp tươi

b. Bài hát được cử hành sau Quốc ca tại các nghi lễ chào cờ của đại hội, hội nghị và các hoạt động khác của công đoàn các cấp.

7. Đại hội công đoàn các cấp theo Điều 10 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

7.1. Đối với công đoàn cấp cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận

a. Nhiệm kỳ của công đoàn cấp cơ sở theo nhiệm kỳ của công đoàn cấp trên trực tiếp quản lý, chỉ đạo.

Đối với công đoàn cấp cơ sở mới tổ chức đại hội thành lập, không bắt buộc phải đủ năm năm mới tổ chức đại hội nhiệm kỳ, khi đủ điều kiện thì được xem xét tổ chức đại hội để trùng với nhiệm kỳ đại hội của công đoàn cấp trên trực tiếp.

b. Công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ của công đoàn cấp cơ sở.

7.2. Công đoàn cấp trên được điều chỉnh nhiệm kỳ đại hội công đoàn cấp dưới trong các trường hợp sau:

a. Điều chỉnh kéo dài hoặc rút ngắn nhiệm kỳ đại hội của công đoàn cấp dưới để phù hợp tiến độ đại hội công đoàn các cấp theo kế hoạch đại hội Công đoàn Việt Nam.

b. Công đoàn cấp trên mới thành lập, sáp nhập, hợp nhất, sắp đến kỳ đại hội lần thứ nhất mà công đoàn cấp dưới đã đủ nhiệm kỳ đại hội năm năm.

c. Công đoàn cấp dưới mới thành lập, sáp nhập, hợp nhất, tổ chức đại hội

lần thứ nhất chưa đủ nhiệm kỳ năm năm.

d. Công đoàn cấp dưới tổ chức đại hội sau thời gian hoạt động của ban chấp hành do công đoàn cấp trên chỉ định quy định tại **khoản 2 Điều 13 Điều lệ Công đoàn Việt Nam** chưa đủ nhiệm kỳ năm năm.

7.3. Cách tính thứ tự nhiệm kỳ đại hội công đoàn các cấp

a. Đối với tổ chức công đoàn đại hội sau khi chia tách, được kế thừa nhiệm kỳ trước khi chia tách.

b. Đối với tổ chức công đoàn đại hội sau khi sáp nhập, hợp nhất, nếu giữ nguyên tên gọi của tổ chức công đoàn nào thì tiếp tục kế thừa nhiệm kỳ trước của tổ chức công đoàn đó, nếu có tên gọi mới thì đại hội sau khi sáp nhập, hợp nhất, được tính là nhiệm kỳ thứ nhất.

c. Đối với công đoàn cấp cơ sở do có sự thay đổi về mô hình tổ chức được nâng cấp thành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, hoặc công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hạ cấp thành công đoàn cấp cơ sở thì đại hội sau khi nâng cấp, hạ cấp được kế thừa nhiệm kỳ trước khi nâng cấp, hạ cấp.

7.4. Đại hội đại biểu và đại hội toàn thể đoàn viên

a. Đối tượng tổ chức đại hội đại biểu

- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên.

- Công đoàn cấp cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận có từ 200 đoàn viên trở lên (trừ đối tượng quy định tại **điểm b Mục 7.4 của Hương dẫn này**).

- Công đoàn cấp cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận có dưới 200 đoàn viên nhưng hoạt động phân tán, lưu động, khó khăn trong việc tổ chức đại hội toàn thể thì có thể tổ chức đại hội đại biểu khi được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý.

b. Đối tượng tổ chức đại hội toàn thể đoàn viên

- Công đoàn cấp cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận có dưới 200 đoàn viên.

- Trường hợp có từ 200 đoàn viên trở lên, việc tổ chức đại hội toàn thể đoàn viên do ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở quyết định hoặc khi có quá một phần hai (1/2) đoàn viên đồng ý đại hội toàn thể.

- Trường hợp cần thiết, công đoàn cấp trên trực tiếp có quyền chỉ định công đoàn cấp cơ sở tổ chức đại hội toàn thể đoàn viên.

c. Đại hội, hội nghị trực tuyến

- Những công đoàn cơ sở hoạt động trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố, nếu chuẩn bị tốt các điều kiện về công nghệ thông tin và nhân lực điều hành, phục vụ, có thể tổ chức đại hội, hội nghị công đoàn trực tuyến, khi được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp.

- Việc tổ chức đại hội, hội nghị công đoàn trực tuyến phải đảm bảo thực hiện đúng các nguyên tắc của tổ chức công đoàn; khuyến khích các công đoàn cơ sở có đông đoàn viên tổ chức đại hội toàn thể đoàn viên, khi được tiến hành theo hình thức đại hội trực tuyến.

- Việc bầu cử tại đại hội, hội nghị trực tuyến thực hiện theo **Mục 9.7 của Hướng dẫn này**.

d. Bầu cử trực tiếp chủ tịch tại đại hội công đoàn cấp cơ sở thực hiện theo hướng dẫn riêng của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

7.5. Số lượng đại biểu chính thức dự đại hội

Số lượng đại biểu chính thức dự đại hội công đoàn các cấp do ban chấp hành công đoàn cấp triệu tập quyết định căn cứ vào số lượng đoàn viên, số lượng công đoàn cấp cơ sở và điều kiện cụ thể của đơn vị, như sau:

a. Đại hội đại biểu công đoàn cấp cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận được triệu tập không quá 150 đại biểu; nơi có từ 5.000 đoàn viên trở lên không quá 200 đại biểu (trừ trường hợp quy định tại **điểm b Mục 7.4 của Hướng dẫn này**).

b. Đại hội công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở không quá 200 đại biểu. Nơi có trên 80.000 đoàn viên hoặc quản lý trực tiếp trên 300 công đoàn cấp cơ sở, có thể tăng thêm nhưng không quá 300 đại biểu.

c. Đại hội công đoàn tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương

- Có dưới 80.000 đoàn viên: Không quá 250 đại biểu.

- Có từ 80.000 đoàn viên đến 100.000 đoàn viên: Không quá 300 đại biểu.

- Có từ 100.000 đoàn viên đến 300.000 đoàn viên: Không quá 400 đại biểu.

- Trên 300.000 đoàn viên: Không quá 500 đại biểu.

d. Đại hội công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn: Không quá 300 đại biểu.

đ. Số lượng đại biểu triệu tập dự Đại hội Công đoàn Việt Nam do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn quyết định.

e. Không triệu tập số lượng đại biểu chính thức thấp hơn một phần hai (1/2) số lượng quy định tại **điểm a, b, c, Mục 7.5 của Hướng dẫn này**. Trường hợp cần tăng số lượng đại biểu chính thức vượt quá quy định tại Hướng dẫn này thì phải được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý, nhưng không được vượt quá 10%.

7.6. Điều kiện, tiêu chuẩn đại biểu chính thức dự đại hội

a. Phải là đoàn viên công đoàn, đang tham gia sinh hoạt trong tổ chức cơ sở của Công đoàn Việt Nam.

b. Ủy viên ban chấp hành đương nhiệm trong nhiệm kỳ có tham dự trên 50% số kỳ họp, kể từ khi được bầu vào ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

c. Người không bị bác tư cách đại biểu theo quy định tại **khoản 5, Điều 10 Điều lệ Công đoàn Việt Nam**.

d. Đại biểu dự đại hội phải được công nhận đủ tư cách đại biểu khi có trên 50% số đại biểu chính thức có mặt tại đại hội biểu quyết nhất trí bằng giờ tai hoặc giờ thể đoàn viên. Đại hội toàn thể đoàn viên không biểu quyết công nhận tư cách đại biểu, ban chấp hành công đoàn cấp triệu tập đại hội báo cáo trước đại hội về số lượng và tư cách đoàn viên dự đại hội.

đ. Người được giới thiệu để bầu cử hoặc chỉ định là đại biểu chính thức dự đại hội, hội nghị đại biểu công đoàn cấp trên, phải có thêm các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- Có điều kiện, khả năng tham gia xây dựng nghị quyết đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên và truyền đạt, triển khai thực hiện nghị quyết đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên ở công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

- Được chỉ định hoặc được đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới bầu theo đúng quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

đ. Một số trường hợp thay đổi đại biểu

- Việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức do ban chấp hành công đoàn cấp triệu tập đại hội, hội nghị quyết định khi có đề nghị của công đoàn cấp dưới.

- Trường hợp đã bầu đại biểu, nhưng tổ chức công đoàn đó có quyết định chia, tách thành một số tổ chức công đoàn mới, thì công đoàn cấp triệu tập đại hội, hội nghị có thể quyết định cho bầu bổ sung đại biểu ở công đoàn mới chia, tách chưa có đại biểu (nếu số lượng đại biểu chưa đạt mức tối đa theo quy định).

- Trường hợp đã bầu đại biểu, nhưng công đoàn cấp đó có quyết định chia, tách và chuyển về trực thuộc công đoàn cấp trên mới, nếu công đoàn cấp trên mới chưa tiến hành đại hội thì có trách nhiệm triệu tập số đại biểu của công đoàn mới chuyển về và được tăng đại biểu triệu tập so với kế hoạch.

- Trường hợp đã bầu đại biểu, nhưng công đoàn cấp đó có quyết định giải thể, thì các đại biểu được bầu không còn là đại biểu chính thức đi dự đại hội công đoàn cấp trên.

- Trường hợp đã bầu đại biểu, nhưng đại biểu chuyển công tác sang đơn vị khác, địa phương khác, ngành khác thì đương nhiên thôi là đại biểu chính thức dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên nơi đã chuyển đi.

- Các trường hợp thay đổi đại biểu chính thức dự đại hội, hội nghị phải được thể hiện trong báo cáo của ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội.

7.7. Trình tự nội dung chính của đại hội công đoàn các cấp được tiến hành theo quy trình sau:

- Chào cờ (Quốc ca và Bài hát truyền thống của Công đoàn Việt Nam)

- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

- Bầu đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội.
- Thông qua chương trình, quy chế làm việc của đại hội.
- Báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu.
- Diễn văn khai mạc.
- Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng nhiệm kỳ tới.
- Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban chấp hành, ban thường vụ công đoàn nhiệm kỳ.
- Thảo luận các văn kiện của đại hội (văn kiện đại hội công đoàn cùng cấp, văn kiện đại hội công đoàn cấp trên).
- Phát biểu của đại diện công đoàn cấp trên, cấp uỷ đảng (nếu có).
- Tổ chức bầu cử theo quy định.
- Thông qua nghị quyết đại hội.
- Diễn văn bế mạc.
- Chào cờ.

7.8. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan triệu tập và điều hành đại hội

a. Ban chấp hành công đoàn cấp triệu tập đại hội

- Chịu trách nhiệm xây dựng văn kiện, chương trình làm việc của đại hội; dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần và danh sách đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu trình đại hội thảo luận, thông qua bằng biểu quyết giơ tay hoặc giơ thẻ đoàn viên theo đa số (có thể biểu quyết thông qua một lần cả danh sách hoặc biểu quyết thông qua từng người). Trường hợp có đa số ý kiến không tán thành một hoặc một số thành viên được giới thiệu thì ban chấp hành cấp triệu tập đại hội trình lại dự kiến cơ cấu để xin ý kiến đại hội hoặc lấy ý kiến đại hội giới thiệu người khác bổ sung và đại hội thông qua bằng biểu quyết giơ tay hoặc giơ thẻ đoàn viên.

- Xem xét, giải quyết và cung cấp hồ sơ đại biểu cho ban thẩm tra tư cách đại biểu (đối với đại hội đại biểu), hoặc báo cáo tư cách đại biểu đối với đại hội toàn thể; báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến đại biểu.

b. Đoàn chủ tịch đại hội

- Đoàn chủ tịch đại hội là cơ quan điều hành các công việc của đại hội.

- Thành viên đoàn chủ tịch là đại biểu chính thức của đại hội, đoàn chủ tịch đại hội cử một đồng chí trong đoàn chủ tịch đại hội làm chủ tịch đoàn để phân công điều hành các thành viên đoàn chủ tịch đại hội thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết có thể mời đại biểu khách mời tham gia đoàn chủ tịch với tư cách là thành viên danh dự. Số lượng thành viên danh dự tham gia đoàn chủ tịch đại hội không quá một phần năm (1/5) tổng số thành viên đoàn chủ tịch đại hội.

- Đoàn chủ tịch đại hội có quyền và nhiệm vụ như sau:

+ Điều hành công việc của đại hội theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

+ Phân công thành viên điều hành công việc của đại hội theo chương trình, quy chế làm việc đã được đại hội biểu quyết thông qua, chuẩn bị nội dung đề đại hội thảo luận, biểu quyết theo đa số.

+ Điều hành công tác nhân sự để đại hội thảo luận biểu quyết theo đa số, tổ chức bầu cử ban chấp hành khóa mới, bầu cử đại biểu dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên (nếu có).

+ Nhận biên bản kiểm phiếu và phiếu bầu đã niêm phong từ ban kiểm phiếu để bàn giao cho ban chấp hành công đoàn khóa mới.

+ Khi đại hội thông qua kết quả bầu cử ban chấp hành công đoàn khóa mới, đoàn chủ tịch đại hội chỉ định đồng chí làm triệu tập và tổ chức hội nghị thứ nhất ban chấp hành khóa mới để bầu ban thường vụ, bầu uỷ ban kiểm tra công đoàn (nếu có), bầu chức danh chủ tịch, phó chủ tịch, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra công đoàn.

+ Giải quyết các vấn đề liên quan đến đại biểu chính thức dự đại hội phát sinh sau khi biểu quyết tư cách đại biểu.

c. Đoàn thư ký đại hội

- Thành viên đoàn thư ký phải là đại biểu chính thức của đại hội, gồm trưởng đoàn và một hoặc một số uỷ viên, do đại hội bầu ra bằng hình thức biểu quyết số lượng và nhân sự, theo danh sách do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội giới thiệu (nơi có ít đoàn viên thì đại hội bầu một đại biểu chính thức làm thư ký).

- Đoàn thư ký (thư ký) có nhiệm vụ: Ghi biên bản tổng hợp ý kiến thảo luận, dự thảo các văn bản kết luận, nghị quyết của đại hội; tiếp nhận, quản lý và phát hành tài liệu liên quan đến đại hội theo sự chỉ đạo của đoàn chủ tịch đại hội; thu nhận, bảo quản và gửi đoàn chủ tịch đại hội đầy đủ hồ sơ, văn kiện chính thức của đại hội.

- Đoàn thư ký (thư ký) chịu trách nhiệm trước đoàn chủ tịch đại hội về nhiệm vụ của thư ký; trưởng đoàn thư ký (nếu có) chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.

- Đoàn thư ký (thư ký) đại hội chấm dứt hoạt động sau khi đại hội kết thúc.

d. Ban thẩm tra tư cách đại biểu

- Thành viên của ban thẩm tra tư cách đại biểu phải là đại biểu chính thức của đại hội, am hiểu về công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra công đoàn. Ban thẩm tra tư cách đại biểu có trưởng ban và các thành viên. Ban chấp hành cấp triệu tập đại hội giới thiệu, đại hội biểu quyết số lượng và danh sách ban thẩm tra tư cách đại biểu. Đại hội toàn thể đoàn viên không bầu ban thẩm tra tư cách đại biểu, do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội báo cáo với đại hội tình hình đoàn viên tham dự đại hội.

- Ban thẩm tra tư cách đại biểu có nhiệm vụ:

+ Nghiên cứu các tài liệu về đại biểu đại hội do ban chấp hành cấp triệu tập

đại hội cung cấp. Căn cứ vào tiêu chuẩn đại biểu và các quy định, nguyên tắc của Điều lệ Công đoàn Việt Nam để xem xét tư cách đại biểu. Tổng hợp, phân tích và báo cáo trước đại hội về tình hình đại biểu và các trường hợp ban chấp hành đã xử lý do không đủ tư cách đại biểu theo quy định.

+ Xem xét các đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến đại biểu đại hội gửi trước ngày đại hội, hội nghị chính thức khai mạc 30 ngày (tính từ ngày nhận được đơn, thư). Các đơn thư gửi sau thời điểm này ban thẩm tra tư cách đại biểu không xem xét giải quyết mà tổng hợp đầy đủ và chuyển hồ sơ cho ban chấp hành khóa mới hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

+ Báo cáo việc thẩm tra tư cách đại biểu và kết luận việc xem xét các đơn thư để đại hội thảo luận và quyết định bằng biểu quyết.

- Ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội chấm dứt nhiệm vụ sau khi đại hội kết thúc.

8. Hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể công đoàn các cấp theo Điều 11 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

8.1. Các trường hợp tổ chức hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể đoàn viên

a. Tổ chức công đoàn thay đổi cơ bản về nhiệm vụ so với nghị quyết đại hội đề ra.

b. Khi khuyết quá năm mươi phần trăm (>50%) tổng số ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên. Đối với công đoàn cấp cơ sở không quy định tỷ lệ khuyết ủy viên ban chấp hành để bầu bổ sung. Tuy nhiên, để linh hoạt và đáp ứng nguyện vọng của cán bộ, đoàn viên, cũng như phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, việc bầu bổ sung ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở do công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở xem xét, quyết định (khi cần).

c. Có hai phần ba (2/3) số ủy viên ban chấp hành bị tổ chức công đoàn xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

8.2. Trường hợp tổ chức hội nghị ban chấp hành mở rộng thì số lượng và thành phần đại biểu dự hội nghị ban chấp hành mở rộng do ban chấp hành cấp triệu tập hội nghị quyết định.

8.3. Số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện đại biểu chính thức dự hội nghị, trình tự nội dung, các cơ quan điều hành, giúp việc hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể đoàn viên thực hiện như **Mục 7.5, Mục 7.6, Mục 7.7, Mục 7.8 của Hướng dẫn này.**

9. Nguyên tắc, hình thức bầu cử tại đại hội, hội nghị công đoàn theo Điều 12 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

9.1. Ứng cử

a. Đoàn viên công đoàn là đại biểu hoặc không là đại biểu chính thức dự đại hội, hội nghị công đoàn đều có quyền ứng cử vào ban chấp hành công đoàn các cấp.

b. Đoàn viên công đoàn là đại biểu chính thức của đại hội được quyền ứng

cử trực tiếp vào ban chấp hành công đoàn tại đại hội hoặc gửi đơn ứng cử đến đoàn chủ tịch đại hội.

c. Đoàn viên công đoàn không là đại biểu chính thức của đại hội mà ứng cử vào ban chấp hành công đoàn thì chậm nhất trước ngày khai mạc đại hội 15 ngày làm việc phải nộp hồ sơ ứng cử cho ban chấp hành cấp triệu tập đại hội. Hồ sơ ứng cử gồm có: đơn ứng cử; bản khai lý lịch có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang làm việc; bản nhận xét của công đoàn cấp cơ sở nơi đoàn viên sinh hoạt. Đối với đoàn viên là đảng viên phải có ý kiến cấp ủy đảng nơi đoàn viên công tác.

d. Công đoàn cấp cơ sở nơi đoàn viên sinh hoạt có trách nhiệm nhận xét cho đoàn viên tham gia ứng cử vào ban chấp hành công đoàn các cấp. Những vấn đề cần thẩm tra, xác minh nếu vượt quá thẩm quyền thì ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở đề nghị công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

đ. Ban chấp hành công đoàn cấp triệu tập đại hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan xác minh tính hợp lệ của hồ sơ và tư cách của người ứng cử.

e. Đoàn viên công đoàn khi ứng cử đại biểu đi dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên phải là đại biểu chính thức dự đại hội, hội nghị.

g. Đoàn viên là đảng viên khi ứng cử thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

9.2. Đề cử

a. Ban chấp hành công đoàn cấp triệu tập đại hội có quyền đề cử người tham gia vào ban chấp hành khoá mới, đại biểu đi dự đại hội công đoàn cấp trên (nếu có) và phải cung cấp lý lịch trích ngang từng người.

b. Các đại biểu chính thức của đại hội, hội nghị có quyền đề cử người là đại biểu đại hội, hội nghị, hoặc đoàn viên công đoàn không phải là đại biểu đại hội, hội nghị vào ban chấp hành.

c. Trường hợp người được đề cử vào ban chấp hành không phải là đại biểu chính thức của đại hội, hội nghị thì người giới thiệu có trách nhiệm cung cấp cho đại hội, hội nghị sơ yếu lý lịch người được giới thiệu, có nhận xét của công đoàn cấp cơ sở nơi sinh hoạt và nhất thiết phải được sự đồng ý bằng văn bản của người được giới thiệu.

d. Người được đề cử đề bầu đại biểu đi dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên phải là đại biểu chính thức dự đại hội, hội nghị.

đ. Việc đề cử và nhận đề cử của đoàn viên là đảng viên thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

9.3. Danh sách bầu cử

a. Đoàn chủ tịch đại hội, hội nghị có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo đầy đủ danh sách đề cử, ứng cử, người xin rút khỏi danh sách đề cử, ứng cử để đại hội thảo luận, quyết định.

b. Danh sách bầu cử phải được đại hội, hội nghị biểu quyết thông qua trước

khi thực hiện bầu cử.

9.4. Các hình thức bầu cử của công đoàn

a. Bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu kín trong các trường hợp sau:

- Bầu cử ban chấp hành và các chức danh của ban chấp hành công đoàn các cấp (bao gồm cả công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận):

+ Bầu ban chấp hành tại đại hội công đoàn các cấp; bầu bổ sung ủy viên ban chấp hành tại hội nghị ban chấp hành công đoàn các cấp.

+ Bầu ủy viên ban thường vụ tại hội nghị ban chấp hành công đoàn các cấp.

+ Bầu chức danh chủ tịch, phó chủ tịch.

- Bầu cử ủy ban kiểm tra và các chức danh của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp bao gồm:

+ Bầu ủy ban kiểm tra, bổ sung ủy viên ủy ban kiểm tra, chức danh chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tại hội nghị ban chấp hành công đoàn các cấp.

+ Bầu chức danh phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tại hội nghị ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp.

- Bầu tổ trưởng, tổ phó công đoàn tại tổ công đoàn và các chức danh cán bộ công đoàn khác.

- Bầu đại biểu đi dự đại hội công đoàn cấp trên, bao gồm đại biểu chính thức và đại biểu dự khuyết.

- Lấy phiếu giới thiệu các ứng cử viên để đưa vào danh sách bầu cử theo quy định của cấp có thẩm quyền.

b. Bầu cử bằng hình thức biểu quyết giơ tay hoặc giơ thẻ đoàn viên trong các trường hợp sau:

- Bầu đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu tại đại hội, hội nghị công đoàn các cấp.

- Cho rút hoặc không cho rút khỏi danh sách bầu cử; bầu tiếp hoặc không bầu tiếp khi bầu chưa đủ số lượng đã được đại hội, hội nghị thông qua.

- Bầu ban kiểm phiếu bầu cử tại đại hội, hội nghị công đoàn, hội nghị ban chấp hành công đoàn các cấp.

- Thông qua kết quả bầu cử, những vấn đề sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

- Thông qua chương trình đại hội, hội nghị; tư cách đại biểu dự đại hội, hội nghị công đoàn; các chỉ tiêu, nghị quyết đại hội, hội nghị.

- Thông qua các chủ trương lớn, nghị quyết, quy định của ban chấp hành, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, ban thường vụ công đoàn các cấp.

9.5. Ban kiểm phiếu

a. Ban kiểm phiếu là cơ quan giúp việc bầu cử của đại hội, hội nghị. Người tham gia tổ kiểm phiếu phải là đại biểu chính thức của đại hội, hội nghị và không có tên trong danh sách bầu cử.

b. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Phổ biến nguyên tắc, cách thức, thể lệ bầu cử, hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, phát phiếu, thu phiếu. Kiểm tra thùng phiếu trước khi bỏ phiếu và niêm phong thùng phiếu.

- ***Đếm trước đại hội và báo cáo số lượng phiếu thu về trước đại hội; di chuyển về địa điểm đã được ban chấp hành cấp triệu tập chuẩn bị để tổ chức kiểm phiếu***, lập biên bản kiểm phiếu và thông qua biên bản kiểm phiếu trong ban kiểm phiếu, ***báo cáo với đại hội*** kết quả bầu cử, kết quả trúng cử trước đại hội; niêm phong phiếu bầu cử chuyển cho đoàn chủ tịch đại hội.

- Trường hợp kiểm phiếu bằng các phương tiện kỹ thuật, ban kiểm phiếu được sử dụng một số kỹ thuật viên không phải là đại biểu đại hội.

- Ngoài các thành viên ban kiểm phiếu, các kỹ thuật viên và đại diện của công đoàn cấp trên giám sát việc kiểm phiếu, ban kiểm phiếu không được phép cho người không có nhiệm vụ vào khu vực kiểm phiếu.

- Khi tham gia kiểm phiếu, các thành viên tổ kiểm phiếu và những người có liên quan không được mang bất cứ tài liệu, giấy tờ, túi xách, ba lô, thiết bị điện tử chụp hình, ghi âm vào nơi làm việc.

9.6. Thể lệ bầu cử

a. Thể thức của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu in họ và tên những người trong danh sách bầu cử, xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt đối với toàn bộ danh sách bầu cử, nếu danh sách bầu cử xếp theo khối công tác hoặc cơ cấu thì vẫn phải xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt từng người trong mỗi khối công tác hoặc theo cơ cấu.

- Phiếu bầu cử phải được đóng dấu của ban chấp hành công đoàn cấp triệu tập ở góc trái, phía trên phiếu bầu. Những cơ sở không có con dấu thì được sử dụng con dấu của ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở, hoặc vì lý do khách quan không thể đóng được dấu của ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở thì phải có chữ ký của trưởng ban kiểm phiếu ở góc trái, phía trên phiếu bầu.

- Phiếu bầu cử tại đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở phải có chữ ký của trưởng ban vận động ở góc trái, phía trên phiếu bầu.

- Thống nhất dùng bút mực để gạch họ và tên trong phiếu bầu cử có số dư.

- Thống nhất dùng ký tự (X) để bầu cử trong phiếu bầu cử không có số dư.

b. Phiếu bầu hợp lệ

- Là phiếu do ban kiểm phiếu phát ra theo thể thức quy định tại khoản 1 nêu trên.

- Phiếu bầu đủ hoặc thiếu số lượng cần bầu.
- Phiếu gạch đầy đủ cả họ và tên (đối với danh sách bầu cử có số dư)
- Phiếu bầu mà danh sách bầu cử chỉ có một người, người bầu cử đánh dấu (X) vào một trong hai ô đồng ý hoặc không đồng ý.
- Phiếu bầu nhiều người mà không có số dư, người bầu cử đánh dấu (X) vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý hoặc không đánh dấu (X) vào ô đồng ý và ô không đồng ý của một người hoặc một số người trong danh sách bầu cử.

b. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu bầu không đúng thể thức được nêu trong nguyên tắc, thể lệ bầu cử của ban kiểm phiếu và không do ban kiểm phiếu phát ra.
- Phiếu bầu không đóng dấu của ban chấp hành hoặc không có chữ ký của trưởng ban kiểm phiếu hoặc trưởng ban vận động theo quy định.
- Phiếu không bầu cho ai trong danh sách bầu cử nhiều người.
- Phiếu bầu nhiều hơn số lượng cần bầu đã được đại hội, hội nghị biểu quyết.
- Phiếu ghi tên người ngoài danh sách bầu cử đã được đại hội, hội nghị thông qua.
- Phiếu không gạch vào họ và tên; phiếu chỉ gạch họ và tên đệm, không gạch tên (phiếu bầu có số dư).
- Phiếu đánh dấu (X) vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý trong danh sách bầu cử chỉ có một người (phiếu bầu không có số dư).
- Phiếu đánh dấu (X) vào cả ô đồng ý và ô không đồng ý đối với một hoặc một số người trong danh sách bầu cử nhiều người thì chỉ tính không hợp lệ cho những người đó (phiếu bầu cử không có số dư).
- Phiếu có đánh dấu riêng, hoặc dùng từ hai màu mực trở lên; phiếu dùng bút chì để bầu cử.
- Phiếu bị rách rời, nhàu nát.

c. Kết quả bầu cử

- Người trúng cử phải có số phiếu bầu đạt quá một phần hai (1/2) so với tổng số **người được triệu tập dự đại hội, hội nghị**.
- Trường hợp số người có số phiếu quá một phần hai (1/2) nhiều hơn số lượng cần bầu đã được đại hội, hội nghị biểu quyết, thì người trúng cử được lấy theo thứ tự từ người có số phiếu cao, đến người có số phiếu thấp hơn cho đến khi đủ số lượng.
- Trường hợp có nhiều người có số phiếu quá một phần hai (1/2) ngang nhau mà chỉ cần lấy một hoặc một số người cho đủ số lượng cần bầu, thì đại hội, hội nghị thảo luận và quyết định bầu tiếp trong số những người có số phiếu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn, trong trường hợp này không cần phải đạt số phiếu bầu quá một phần hai (1/2) so với tổng số **người được triệu tập dự đại**

hội, hội nghị. Trường hợp bầu lần thứ hai mà số phiếu vẫn ngang nhau thì việc có bầu nữa hay không do đại hội, hội nghị quyết định.

- Trường hợp số người có số phiếu quá một phần hai (1/2) ít hơn số lượng cần bầu, thì đại hội, hội nghị thảo luận và quyết định bầu tiếp cho đủ số lượng cần bầu, hoặc không bầu mà lấy số lượng đã trúng cử (ít hơn số lượng đại hội đã thông qua). Trường hợp đại hội quyết định bầu tiếp cho đủ số lượng cần bầu thì thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự mới, không trùng với danh sách đã bầu cử trước đó.

- Trường hợp số phiếu do ban kiểm phiếu thu về nhiều hơn số **người được triệu tập dự đại hội, hội nghị**, hoặc phát hiện phiếu bầu cử không đúng quy định, thì ban kiểm phiếu phải báo cáo ngay với đoàn chủ tịch đại hội, hội nghị để báo cáo đại hội, hội nghị và tổ chức bầu lại.

đ. Hồ sơ, tài liệu bầu cử

- Biên bản bầu cử phải ghi rõ các nội dung sau: Tổng số đại biểu chính thức được triệu tập; tổng số đại biểu chính thức dự đại hội, hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu về; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; kết quả theo danh sách bầu cử; kết quả trúng cử theo danh sách từ cao xuống thấp; đồng thời phải được lập thành 03 bản có chữ ký của trưởng ban kiểm phiếu và đại diện đoàn chủ tịch đại hội, hội nghị.

- Kết thúc công tác bầu cử, ban kiểm phiếu niêm phong phiếu bầu cử và các tài liệu liên quan gửi đoàn chủ tịch đại hội, hội nghị để giao cho ban chấp hành lưu trữ trong thời gian 6 tháng, kể từ ngày bầu cử.

e. Trường hợp cần thiết, ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp hoặc cấp trên trực tiếp được mở niêm phong phiếu bầu. Sau 6 tháng, nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, ban thường vụ hoặc ban chấp hành (nơi không có ban thường vụ) công đoàn các cấp được phép huỷ phiếu bầu cử.

9.7. Công tác bầu cử trong trường hợp đại hội, hội nghị trực tuyến và đại hội toàn thể đoàn viên ở nơi không thể dừng sản xuất

a. Bầu cử tại đại hội, **hội nghị** trực tuyến

- Căn cứ quy định về công tác bầu cử tại **Mục 9 của Hướng dẫn này**, ban chấp hành khóa đương nhiệm xây dựng quy chế bầu cử trình đại hội, **hội nghị** trực tuyến thông qua.

- Bầu ban kiểm phiếu ở các đầu cầu khác.

- Ban kiểm phiếu tại các đầu cầu có nhiệm vụ:

+ Chuẩn bị phiếu bầu theo danh sách bầu cử đã được đại hội, hội nghị biểu quyết thông qua. Phiếu bầu cử phải có dấu của ban chấp hành cấp triệu tập đại hội, hội nghị hoặc chữ ký của trưởng ban kiểm phiếu tại các điểm cầu ở góc trái, phía trên.

+ Thực hiện việc phát phiếu bầu, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, niêm phong phiếu bầu và thông báo công khai kết quả kiểm phiếu về đầu cầu trung tâm.

- Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các đầu cầu, lập biên bản

kiểm phiếu chung và công bố kết quả bầu cử trước đại hội, hội nghị.

b. Đối với đại hội, hội nghị toàn thể đoàn viên ở nơi không thể dùng sản xuất để triệu tập toàn thể đoàn viên dự đại hội, hội nghị tại hội trường

- Ban chấp hành khóa đương nhiệm xây dựng quy chế bầu cử trình đại hội, hội nghị thông qua.

- Đoàn viên công đoàn thực hiện quyền bầu cử các cơ quan điều hành đại hội, bầu cử ban chấp hành, bầu cử đại biểu dự đại hội công đoàn cấp trên bằng phiếu kín. Việc bầu cử được thực hiện bằng thùng phiếu lưu động theo quy chế bầu cử đã được đại hội, hội nghị thông qua.

9.8. Bầu cử đại biểu dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên

- Số lượng đại biểu chính thức bầu dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên thực hiện theo phân bổ của công đoàn cấp trên. Những công đoàn cấp trên được phân cấp phối hợp chỉ đạo hoạt động công đoàn ngành, nghề, địa phương theo quy định tại **Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32** Điều lệ Công đoàn Việt Nam, do công đoàn cấp trên phân bổ (nếu cần), nhưng không quá 10% đại biểu chính thức triệu tập.

- Đại hội, hội nghị công đoàn quyết định việc bầu hoặc không bầu và số lượng bầu đại biểu dự khuyết dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên.

- Khi bầu đại biểu dự khuyết dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên có thể thực hiện bằng cách chọn người có số phiếu bầu đạt quá một phần hai (1/2) liền kề với người có số phiếu thấp nhất đã trúng cử đại biểu chính thức, hoặc tổ chức bầu riêng, do đại hội, hội nghị quyết định.

- Việc tổ chức bầu riêng đại biểu dự khuyết dự đại hội, hội nghị công đoàn cấp trên chỉ thực hiện sau khi đã bầu đủ số lượng đại biểu chính thức theo phân bổ của công đoàn cấp trên.

10. Ban chấp hành công đoàn các cấp theo Điều 13 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

10.1. Số lượng uỷ viên ban chấp hành công đoàn cấp nào do đại hội, hội nghị công đoàn cấp đó quyết định như sau:

a. Công đoàn cấp cơ sở

- Ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở được bầu tối thiểu 03 uỷ viên, tối đa 27 uỷ viên, cụ thể như sau:

+ Công đoàn cấp cơ sở có dưới 30 đoàn viên được bầu 03 uỷ viên.

+ Công đoàn cấp cơ sở có từ 30 đoàn viên đến dưới 150 đoàn viên được bầu tối đa 07 uỷ viên.

+ Công đoàn cấp cơ sở có từ 150 đoàn viên đến dưới 500 đoàn viên được bầu tối đa 11 uỷ viên.

+ Công đoàn cấp cơ sở có từ 500 đoàn viên đến dưới 1.000 đoàn viên được bầu tối đa 13 uỷ viên.

+ Công đoàn cấp cơ sở có từ 1.000 đoàn viên đến dưới 3.000 đoàn viên được bầu tối đa 15 ủy viên.

+ Công đoàn cấp cơ sở có từ 3.000 đoàn viên đến dưới 15.000 đoàn viên được bầu tối đa 19 ủy viên.

+ Công đoàn cấp cơ sở có từ 15.000 đoàn viên trở lên được bầu tối đa 27 ủy viên.

- Ban chấp hành công đoàn cơ sở thành viên được bầu tối thiểu 03 ủy viên, tối đa 15 ủy viên.

- Ban chấp hành công đoàn bộ phận được bầu tối thiểu 03 ủy viên, tối đa 07 ủy viên.

b. Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở được bầu tối thiểu 15 ủy viên, tối đa 27 ủy viên, cụ thể như sau:

- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có dưới 10.000 đoàn viên được bầu 15 ủy viên.

- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có từ 10.000 đoàn viên đến dưới 30.000 đoàn viên được bầu tối đa 19 ủy viên.

- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có từ 30.000 đoàn viên đến dưới 60.000 đoàn viên được bầu tối đa 23 ủy viên.

- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có từ 60.000 đoàn viên trở lên được bầu tối đa 27 ủy viên.

c. Số lượng ủy viên ban chấp hành liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn thực hiện như sau:

- Đơn vị có dưới 50.000 đoàn viên được bầu 33 ủy viên.

- Đơn vị có từ 50.000 đoàn viên đến dưới 100.000 đoàn viên được bầu tối đa 35 ủy viên.

- Đơn vị có từ 100.000 đoàn viên đến dưới 150.000 đoàn viên được bầu tối đa 39 ủy viên.

- Đơn vị có từ 150.000 đoàn viên đến dưới 200.000 đoàn viên được bầu tối đa 41 ủy viên.

- Đơn vị có từ 200.000 đoàn viên đến dưới 300.000 đoàn viên được bầu tối đa 45 ủy viên.

- Đơn vị có 300.000 đoàn viên trở lên và Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An được bầu tối đa 49 ủy viên.

- Liên đoàn Lao động Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thanh Hóa được bầu tối đa 55 ủy viên.

d. Trường hợp cần tăng thêm số lượng ban chấp hành vượt quá số lượng đã được đại hội thông qua hoặc quy định về số lượng tối đa, phải được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý. Số lượng ban chấp hành tăng thêm không vượt quá 10% so với quy định tại **điểm a, b, c, Mục 10.1 của Hướng dẫn này**.

đ. Số lượng phó chủ tịch liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do cấp ủy địa phương quyết định sau khi trao đổi thống nhất với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

e. Số lượng phó chủ tịch công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định sau khi trao đổi thống nhất với ban cán sự đảng, đảng ủy tập đoàn, tổng công ty đảm bảo theo nguyên tắc sau:

- Công đoàn ngành trung ương và tương đương có từ 02 đến 03 phó chủ tịch.
- Công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn tối đa 02 phó chủ tịch.

10.2. Các trường hợp chỉ định ban chấp hành

a. Công đoàn cấp trên trực tiếp có quyền chỉ định ban chấp hành công đoàn cấp dưới và các chức danh trong ban chấp hành công đoàn (bằng văn bản) trong các trường hợp sau:

- Khi quyết định thành lập tổ chức công đoàn.
- Khi quyết định hợp nhất, nâng cấp, hạ cấp, sáp nhập, chia tách tổ chức công đoàn.
- Khi ban chấp hành công đoàn bị kỷ luật bằng hình thức giải tán.
- Khi không tổ chức được đại hội theo quy định.
- Khi không tổ chức được hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể, hội nghị ban chấp hành mở rộng theo quy định tại **Mục 8 của Hướng dẫn này**.

b. Trường hợp chỉ định cả ban chấp hành thì trong thời hạn không quá 12 tháng ban chấp hành được chỉ định phải tổ chức đại hội, hội nghị (đại biểu hoặc toàn thể) để bầu ban chấp hành mới. Trường hợp quá 12 tháng chưa tổ chức được đại hội, hội nghị thì công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định bằng văn bản cho phép kéo dài thời gian hoạt động của ban chấp hành không quá 06 tháng, hoặc chấm dứt hoạt động của ban chấp hành cũ và chỉ định ban chấp hành mới.

c. Khi giải thể tổ chức công đoàn cấp nào thì đồng thời chấm dứt hoạt động của ban chấp hành công đoàn cấp đó.

10.3. Bổ sung uỷ viên ban chấp hành công đoàn

Trình tự bầu bổ sung uỷ viên ban chấp hành công đoàn cá cấp được thực hiện như sau:

a. Công bố văn bản của công đoàn cấp trên đồng ý cho bầu bổ sung uỷ viên ban chấp hành.

b. Tiến hành bầu cử theo nguyên tắc, thể lệ bầu cử quy định tại **Mục 9 của Hướng dẫn này**.

c. Tại hội nghị ban chấp hành, người đã thôi tham gia ban chấp hành thì không tham gia bầu cử; người mới được bầu bổ sung uỷ viên ban chấp hành có quyền ứng cử, đề cử, biểu quyết và bầu cử ngay sau khi trúng cử ban chấp hành.

10. 4. Trình tự, nội dung tổ chức hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất

a. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc đại hội, triệu tập viên có nhiệm vụ triệu tập và điều hành hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất theo quy định.

b. Hội nghị ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam lần thứ nhất có nhiệm vụ bầu Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trong số uỷ viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, bầu chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch trong số Uỷ viên Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam mới trúng cử; bầu Uỷ ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và bầu Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra trong số các Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam mới trúng cử. Trong thời gian chưa tổ chức hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất, người được chỉ định triệu tập viên trực tiếp điều hành công việc của ban chấp hành khoá mới.

c. Hội nghị ban chấp hành công đoàn các cấp lần thứ nhất có nhiệm vụ bầu ban thường vụ (nếu có), bầu chức danh chủ tịch, phó chủ tịch trong số uỷ viên ban thường vụ, ban chấp hành (đối với nơi không có ban thường vụ); bầu uỷ ban kiểm tra và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra công đoàn. Trong thời gian chưa tổ chức hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất, người được chỉ định triệu tập viên trực tiếp điều hành công việc của ban chấp hành khoá mới.

Ban chấp hành công đoàn các cấp có từ chín (09) uỷ viên trở lên thì được bầu ban thường vụ, số lượng không quá một phần ba (1/3) tổng số uỷ viên ban chấp hành.

d. Phương thức tiến hành hội nghị lần thứ nhất ban chấp hành

- Người được chỉ định triệu tập viên hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất có nhiệm vụ giới thiệu nhân sự và điều hành bầu đoàn chủ tịch, thư ký hội nghị. Đối với ban chấp hành dưới mười lăm (15) uỷ viên thì chỉ bầu một (01) uỷ viên ban chấp hành để chủ trì hội nghị. Trường hợp đại hội công đoàn cấp cơ sở đã bầu trực tiếp chủ tịch, thì chủ tịch công đoàn là người triệu tập và chủ trì hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất.

- Đoàn chủ tịch hoặc người chủ trì hội nghị báo cáo đề hội nghị ban chấp hành thông qua chương trình làm việc và điều hành các nội dung hội nghị theo chương trình đã được hội nghị ban chấp hành biểu quyết thông qua.

- Hội nghị ban chấp hành thảo luận, quyết định số lượng, cơ cấu Đoàn Chủ tịch (đối với Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn), ban thường vụ; số lượng phó chủ tịch, số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra công đoàn. Việc ứng cử, đề cử, bầu cử, nguyên tắc và thể lệ bầu cử thực hiện theo quy định tại **Mục 9 của Hướng dẫn này**.

đ. Trình tự bầu cử tại hội nghị ban chấp hành công đoàn lần thứ nhất

- Bầu Đoàn Chủ tịch (đối với Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn), bầu ban thường vụ. Chủ tịch công đoàn cấp cơ sở đã bầu trực tiếp tại đại hội được tính trong tổng số uỷ viên ban thường vụ và không phải bầu lại.

- Bầu chủ tịch, bầu phó chủ tịch công đoàn.

- Bầu uỷ ban kiểm tra.
- Bầu chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra công đoàn.

e. Công nhận ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch; uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra (nếu có):

- Chậm nhất mười (10) ngày làm việc kể từ khi kết thúc hội nghị ban chấp hành công đoàn lần thứ nhất của cấp nào thì công đoàn cấp đó làm văn bản đề nghị công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, công nhận ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch; công nhận uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra (nếu có). Hồ sơ đề nghị công nhận gồm:

+ Tờ trình đề nghị công nhận ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch; uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra (nếu có).

+ Biên bản kiểm phiếu bầu cử.

+ Danh sách trích ngang nhân sự đề nghị công nhận theo mẫu quy định.

+ Nghị quyết đại hội; nghị quyết hội nghị ban chấp hành công đoàn lần thứ nhất, hội nghị uỷ ban kiểm tra công đoàn (nếu có).

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị công nhận, công đoàn cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét và ra quyết định công nhận theo đề nghị của công đoàn cấp dưới. Trong thời gian này ban chấp hành, ban thường vụ khóa mới có trách nhiệm điều hành các công việc thường xuyên của công đoàn và nhận bàn giao từ ban chấp hành, ban thường vụ khóa cũ các tài liệu, hồ sơ, tài sản, tài chính, cơ sở vật chất (nếu có) để quản lý, sử dụng. Đối với đồng chí được đại hội, hội nghị bầu trúng cử chủ tịch hoặc phó chủ tịch, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra có quyền ký văn bản điều hành và đóng dấu theo thẩm quyền ngay sau khi công bố trúng cử.

Khi có quyết định công nhận của công đoàn cấp trên, công đoàn cấp dưới thực hiện các thủ tục khắc con dấu các chức danh và đăng ký chuyển giao chủ tài khoản công đoàn khoá mới (nếu có) để giao dịch công tác theo quy định.

- Khi không đủ điều kiện công nhận một hoặc một số chức danh thì công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ đạo công đoàn cấp dưới thực hiện lại quy trình, thủ tục bầu cử theo quy định. Trường hợp cần thiết, công đoàn cấp trên có quyền chỉ định ban chấp hành và các chức danh trong ban chấp hành công đoàn cấp dưới để đảm bảo hoạt động bình thường của tổ chức công đoàn đó.

Trường hợp đã công nhận một hoặc một số chức danh, nhưng phát hiện sai quy trình các bước, thủ tục bầu cử, không đúng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì công đoàn cấp trên có quyền hủy quyết định đã công nhận và chỉ đạo công đoàn cấp dưới kiểm điểm, thực hiện lại quy trình các bước nhân sự và tổ chức bầu cử lại. Trường hợp cần thiết, công đoàn cấp trên có thể chỉ định nhân sự công đoàn cấp dưới theo quy định.

- Kết quả bầu cử Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội Công đoàn Việt Nam thông qua. Kết quả trúng

cử Đoàn Chủ tịch, Ủy ban kiểm tra, các chức danh trong Đoàn Chủ tịch, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tổng Liên đoàn tại hội nghị Ban Chấp hành lần thứ nhất và kết quả trúng cử do bầu cử bổ sung đối với các chức danh nêu trên ở các kỳ họp ban chấp hành tiếp theo, có hiệu lực ngay sau khi được Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thông qua.

11. Điều kiện thành lập công đoàn cấp cơ sở theo Điều 15 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

11.1. Công đoàn cơ sở được thành lập trong các đơn vị sử dụng lao động gồm:

- a. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
- b. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.
- c. Hợp tác xã có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
- d. Đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập hạch toán độc lập.
- đ. Văn phòng, cơ quan đại diện của các tổ chức nước ngoài, tổ chức phi chính phủ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có sử dụng lao động là người Việt Nam.
- e. Cơ quan tổ chức khác có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam về lao động.
- g. Trường hợp đơn vị sử dụng lao động không đủ điều kiện thành lập công đoàn cơ sở, hoặc theo nguyện vọng liên kết của người lao động, có thể thành lập công đoàn cơ sở ghép trong nhiều đơn vị sử dụng lao động có cùng ngành nghề hoặc theo địa bàn đơn vị hành chính cấp xã.

11.2. Nghiệp đoàn cơ sở tập hợp những người lao động tự do hợp pháp có việc làm phi chính thức, cùng ngành nghề, theo địa bàn hành chính cấp xã hoặc theo đơn vị sử dụng lao động, bao gồm:

- a. Lao động hành nghề vận tải, dịch vụ vận tải.
- b. Lao động hành nghề thương mại, dịch vụ thương mại, văn hóa, thể thao, du lịch, y tế, y dược.
- c. Lao động hành nghề nông- lâm- ngư nghiệp, khai thác, chế biến, nuôi trồng thủy sản, hải sản.
- d. Lao động hành nghề cơ khí, xây dựng, điện tử, tin học.
- đ. Thợ thủ công, mỹ nghệ, chế tác mỹ phẩm, hàng tiêu dùng.
- e. Lao động hành nghề tự do hợp pháp khác.

12. Hình thức tổ chức của công đoàn cấp cơ sở; nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, tổ công đoàn theo Điều 16 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

12.1. Công đoàn cấp cơ sở có dưới 30 đoàn viên không thành lập công

đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, tổ công đoàn.

12.2. Công đoàn cấp cơ sở có từ 30 đoàn viên thì được xem xét thành lập công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, tổ công đoàn, khi có đủ các điều kiện như sau:

a. Những đơn vị, cơ sở trực thuộc công đoàn cấp cơ sở có từ 30 đoàn viên thì được thành lập công đoàn cơ sở thành viên và phải có từ 03 công đoàn cơ sở thành viên trở lên.

b. Những đơn vị, cơ sở trực thuộc công đoàn cấp cơ sở có từ 25 đoàn viên thì được thành lập công đoàn bộ phận và phải có từ 03 bộ phận trở lên.

c. Những đơn vị, cơ sở trực thuộc công đoàn cấp cơ sở có từ 15 đoàn viên thì được thành lập tổ công đoàn và phải có từ 03 tổ công đoàn trở lên.

d. Nghiệp đoàn cơ sở không thành lập nghiệp đoàn cơ sở thành viên và nghiệp đoàn bộ phận. Khi đủ điều kiện **như điểm c, Mục 12.2** nêu trên thì nghiệp đoàn cơ sở được thành lập tổ nghiệp đoàn.

12.3. Nhiệm vụ, quyền hạn

a. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở thành viên

- Tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; tích cực học tập, rèn luyện nâng cao nhận thức chính trị, pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phối hợp với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xây dựng và thực hiện dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức các phong trào thi đua cho đoàn viên, người lao động.

- Hướng dẫn, hỗ trợ người lao động giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc; đối thoại, thương lượng tập thể và tổ chức thực hiện thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật.

- Tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích của đoàn viên, lao động tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và các tệ nạn xã hội; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp lao động.

- Tập hợp, nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động với công đoàn cấp trên trực tiếp.

- Phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở thành viên vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phát triển bền vững.

- Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác do ban chấp hành công đoàn cơ sở chỉ đạo.

b. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn bộ phận

- Tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; tích cực học tập, rèn luyện nâng cao nhận thức chính trị, pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phối hợp với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xây dựng và thực hiện dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức các phong trào thi đua cho đoàn viên, người lao động.

- Tích cực tham gia đối thoại, thương lượng tập thể và thực hiện thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật.

- Tham gia phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và các tệ nạn xã hội, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp lao động.

- Tập hợp, nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động với công đoàn cấp trên trực tiếp.

- Phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn bộ phận vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phát triển bền vững.

- Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác do ban chấp hành công đoàn cơ sở chỉ đạo.

c. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ công đoàn

- Tuyên truyền, vận động đoàn viên thực hiện tốt nghị quyết, chương trình công tác do ban chấp hành công đoàn cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn.

- Vận động đoàn viên tham gia giám sát thực hiện dân chủ ở cơ sở, hưởng ứng và thực hiện các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức phát động.

- Vận động đoàn viên tham gia đối thoại, thương lượng tập thể và thực hiện thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật.

- Vận động đoàn viên tích cực tham gia phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và các tệ nạn xã hội tại nơi làm việc.

- Tập hợp, nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động để đề xuất, kiến nghị với ban chấp hành công đoàn cơ sở.

- Vận động người lao động gia nhập Công đoàn Việt Nam, thực hiện tốt nhiệm vụ đánh giá, xếp loại đoàn viên, quản lý đoàn viên, xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ công đoàn.

- Tổ công đoàn năm năm hai lần tổ chức hội nghị toàn thể đoàn viên để thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đại hội của công đoàn cơ sở và bầu tổ trưởng, tổ phó công đoàn (nếu có). Trường hợp khuyết tổ trưởng, tổ phó công đoàn, ban chấp hành công đoàn cơ sở chỉ đạo tổ công đoàn tổ chức hội nghị toàn thể để bầu bổ sung.

- Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm và 5 năm tổ công đoàn tổ chức hội nghị để đánh giá, kiểm điểm kết quả hoạt động của tổ công đoàn và đề ra phương hướng, nhiệm vụ hoạt động của tổ công đoàn trong thời gian tới.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác do ban chấp hành công đoàn cơ sở chỉ đạo.

d. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ nghiệp đoàn

- Vận động đoàn viên tích cực lao động tăng thu nhập, bảo đảm việc làm, đời sống, an toàn vệ sinh lao động.

- Tập hợp ý kiến, nguyện vọng của đoàn viên để đề xuất với nghiệp đoàn cơ sở giúp đỡ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền giải quyết kịp thời đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên.

- Tuyên truyền, vận động đoàn viên thực hiện tốt nghị quyết, chương trình công tác do ban chấp hành nghiệp đoàn cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đoàn viên trong nghề nghiệp và cuộc sống; tham gia, hỗ trợ các cơ quan, ban, ngành, cộng đồng dân cư bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Vận động người lao động gia nhập Công đoàn Việt Nam, thực hiện tốt nhiệm vụ đánh giá, xếp loại đoàn viên, quản lý đoàn viên, xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ nghiệp đoàn.

- Tổ nghiệp đoàn năm năm hai lần tổ chức hội nghị toàn thể đoàn viên để thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đại hội của nghiệp đoàn cơ sở và bầu tổ trưởng, tổ phó nghiệp đoàn (nếu có). Trường hợp khuyết tổ trưởng, tổ phó nghiệp đoàn, ban chấp hành nghiệp đoàn cơ sở chỉ đạo tổ nghiệp đoàn tổ chức hội nghị toàn thể để bầu bổ sung.

- Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm và 5 năm tổ nghiệp đoàn tổ chức hội nghị để đánh giá, kiểm điểm kết quả hoạt động của tổ nghiệp đoàn và đề ra phương hướng, nhiệm vụ hoạt động của tổ nghiệp đoàn trong thời gian tới.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác do ban chấp hành nghiệp đoàn cơ sở chỉ đạo.

13. Trình tự, thủ tục thành lập, giải thể công đoàn cấp cơ sở theo Điều 17 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

13.1. Người lao động thành lập công đoàn cấp cơ sở

a. Nơi chưa có công đoàn cấp cơ sở, người lao động hoặc đoàn viên công đoàn được quyền vận động người lao động khác gia nhập công đoàn, liên kết thành lập công đoàn cấp cơ sở thông qua hình thức tổ chức ban vận động.

b. Trong quá trình ban vận động tiến hành vận động người lao động gia nhập công đoàn, liên kết thành lập công đoàn cấp cơ sở, các thành viên ban vận động cử người làm trưởng ban vận động và liên hệ công đoàn cấp trên gần nhất để được hướng dẫn, giúp đỡ, hỗ trợ.

c. Khi có năm người trở lên (gồm người lao động đang là đoàn viên công đoàn và người lao động có đơn gia nhập công đoàn) tự nguyện liên kết thành lập công đoàn cấp cơ sở thì trưởng ban vận động liên hệ với công đoàn cấp trên để được giúp đỡ công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở.

13.2. Đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở

a. Thành phần đại biểu dự đại hội gồm có:

- Ban vận động thành lập công đoàn cấp cơ sở.
- Người lao động đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hoặc người lao động có cùng ngành nghề làm việc theo địa bàn, người lao động đã là đoàn viên hoặc chưa là đoàn viên có đơn xin gia nhập Công đoàn Việt Nam.
- Đại diện cấp uỷ (nếu có), công đoàn cấp trên, người sử dụng lao động và các thành phần khác (nếu có) cùng dự, chứng kiến đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở.

b. Việc tổ chức điều hành đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở do ban vận động thực hiện; có thể mời thêm đoàn viên, người lao động ngoài ban vận động, có kinh nghiệm, uy tín tham gia điều hành hoặc làm thư ký đại hội.

c. Nội dung, trình tự đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở gồm:

- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
- Báo cáo quá trình vận động người lao động gia nhập công đoàn và công tác chuẩn bị tổ chức thành lập công đoàn cấp cơ sở.
- Công bố danh sách người lao động có đơn tự nguyện gia nhập công đoàn.
- Tuyên bố thành lập công đoàn cấp cơ sở.
- Đại diện cấp uỷ (nếu có), công đoàn cấp trên phát biểu.
- Người sử dụng lao động phát biểu (nếu có).
- Bầu cử ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở.
- Bầu cử chủ tịch công đoàn cấp cơ sở.
- Thông qua kế hoạch hoạt động của công đoàn cấp cơ sở.

d. Việc bầu cử tại đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín **theo Mục 9.4 của Hướng dẫn này**. Phiếu bầu cử tại đại hội thành lập công đoàn phải có chữ ký của trưởng ban vận động thành lập công đoàn cấp cơ sở ở góc trái, phía trên phiếu bầu.

đ. Những nơi do điều kiện lao động, sản xuất, kinh doanh, không thể triệu tập toàn thể người lao động có đơn xin gia nhập công đoàn dự đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở thì ban vận động tổ chức lấy phiếu giới thiệu nhân sự và phát phiếu

bầu cử ban chấp hành, chủ tịch công đoàn cấp cơ sở cho đoàn viên tại các phòng, ban, tổ, đội, phân xưởng, nhóm công việc; đồng thời thực hiện công tác kiểm phiếu theo quy định và công bố kết quả bầu cử để toàn thể đoàn viên được biết.

e. Kết thúc đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở, ban vận động bàn giao toàn bộ hồ sơ đại hội cho ban chấp hành hoặc đồng chí chủ tịch mới được bầu, gồm cả danh sách ban vận động để lưu hồ sơ, tài liệu thành lập công đoàn cấp cơ sở.

g. Ban vận động chấm dứt nhiệm vụ sau khi tổ chức thành công đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở.

13.3. Trách nhiệm của chủ tịch công đoàn và ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở sau đại hội thành lập

a. Tổ chức họp ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc đại hội thành lập để bầu ban thường vụ, phó chủ tịch, ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn (nếu đủ điều kiện). Quá trình chuẩn bị cần liên hệ công đoàn cấp trên để được hướng dẫn.

b. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi kết thúc đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở, ban chấp hành phải lập hồ sơ đề nghị công đoàn cấp trên xem xét, công nhận, gồm có:

- Văn bản đề nghị công nhận đoàn viên, công nhận công đoàn cấp cơ sở và kết quả bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra và các chức danh trong ban chấp hành, ủy ban kiểm tra công đoàn.

- Danh sách đoàn viên và đơn xin gia nhập Công đoàn Việt Nam của người lao động.

- Danh sách trích ngang lý lịch ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra và các chức danh trong ban chấp hành, ủy ban kiểm tra công đoàn cấp cơ sở.

- Biên bản đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở.

- Biên bản kiểm phiếu bầu cử tại đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở và biên bản bầu cử tại hội nghị ban chấp hành (nếu có).

c. Khi được công đoàn cấp trên công nhận, ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở thực hiện các thủ tục khắc dấu; đồng thời triển khai tổ chức các hoạt động theo quy định của Điều lệ và Hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam; hướng dẫn của công đoàn cấp trên và kế hoạch hoạt động đã được thống nhất tại đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở.

13.4. Trách nhiệm của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trong việc thành lập công đoàn cấp cơ sở

a. Cử cán bộ tiếp cận người lao động tại nơi làm việc và ngoài nơi làm việc để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, tư vấn, giúp đỡ, tuyên truyền, vận động người lao động gia nhập Công đoàn, liên kết thành lập công đoàn cấp cơ sở, hỗ trợ lập ban vận động.

b. Trường hợp người lao động tự tổ chức nhiều ban vận động trong một

đơn vị sử dụng lao động thì công đoàn cấp trên hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ người lao động liên kết thành một ban vận động, cử người làm trưởng ban vận động.

c. Hướng dẫn, hỗ trợ ban vận động tổ chức đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở, tổ chức hội nghị lần thứ nhất ban chấp hành (khi có yêu cầu).

d. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ thành lập công đoàn cấp cơ sở, công đoàn cấp trên có trách nhiệm:

- Thẩm định quá trình thành lập công đoàn cấp cơ sở đảm bảo tính tự nguyện, khách quan; việc bầu cử tại đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở và bầu cử tại hội nghị ban chấp hành theo đúng quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

- Trường hợp công đoàn cấp cơ sở thành lập đúng quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam thì ban hành quyết định công nhận đoàn viên, công nhân công đoàn cấp cơ sở, ban chấp hành, ban thường vụ, uỷ ban kiểm tra và các chức danh trong ban chấp hành, uỷ ban kiểm tra công đoàn theo quy định.

- Trường hợp không đủ điều kiện công nhận đoàn viên hoặc công đoàn cấp cơ sở hoặc các chức danh được bầu, công đoàn cấp trên thông báo bằng văn bản để tập thể người lao động được biết; đồng thời hướng dẫn thực hiện đúng quy trình, thủ tục để được công nhận, hoặc tiếp tục tuyên truyền, vận động người lao động tự nguyện liên kết thành lập công đoàn cấp cơ sở theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

13.5. Các trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, nâng cấp, hạ cấp, giải thể, chấm dứt hoạt động của công đoàn cấp cơ sở; công đoàn cơ sở thành viên; công đoàn bộ phận; tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn

a. Điều kiện, trình tự, thủ tục sáp nhập, hợp nhất tổ chức

- Không đủ số lượng đoàn viên công đoàn, tổ chức công đoàn theo quy định tại **Mục 12.1, 12.2 của Hướng dẫn này.**

- Có đề nghị bằng văn bản của tổ chức công đoàn (kèm theo phương án).

b. Điều kiện, trình tự, thủ tục chia tách, nâng cấp, hạ cấp tổ chức

- Những nơi mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi, lĩnh vực hoạt động; những tổ chức, đơn vị mở rộng hoặc thu hẹp mô hình sản xuất kinh doanh, số lượng đoàn viên, người lao động, đầu mối làm việc tăng hoặc giảm.

- Có đề nghị bằng văn bản của tổ chức công đoàn (kèm theo phương án).

c. Điều kiện, trình tự, thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động

- Không đủ số lượng đoàn viên công đoàn theo quy định.

- Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi mô hình hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; đơn vị, doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật hoặc ngừng hoạt động từ 12 tháng trở lên.

- Việc giải thể, chấm dứt hoạt động của công đoàn cấp cơ sở do công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở xem xét quyết định; việc giải thể, chấm dứt hoạt động của công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, tổ công đoàn do ban chấp hành

công đoàn cấp cơ sở quyết định.

- Khi giải thể, chấm dứt hoạt động công đoàn cấp cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp phải thông báo đến các đơn vị, cá nhân liên quan và thực hiện thu con dấu theo quy định. Khi giải thể tổ chức công đoàn thì chấm dứt hoạt động của ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra (nếu có) và các chức danh cán bộ công đoàn.

14. Điều kiện, trình tự thủ tục gia nhập, sáp nhập Công đoàn Việt Nam của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp; nguyên tắc, phạm vi, đối tượng, nội dung liên kết và trách nhiệm của công đoàn cấp trên theo Điều 18 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

14.1. Điều kiện gia nhập Công đoàn Việt Nam

Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, tự nguyện gia nhập hệ thống tổ chức Công đoàn Việt Nam thì được công đoàn cấp trên xem xét, quyết định kết nạp (ở nơi chưa có tổ chức công đoàn cơ sở) hoặc sáp nhập (ở nơi đã có tổ chức công đoàn cơ sở).

14.2. Trình tự, thủ tục xin gia nhập Công đoàn Việt Nam

a. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp lập hồ sơ gửi ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi doanh nghiệp đóng trụ sở để xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm có:

- Văn bản xin gia nhập hệ thống tổ chức Công đoàn Việt Nam.
- Danh sách thành viên tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp tự nguyện và đủ điều kiện kết nạp vào Công đoàn Việt Nam, có chữ ký của từng thành viên.
- Danh sách thành viên ban lãnh đạo tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.
- Hồ sơ thành lập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp, các báo cáo tình hình tài chính, tài sản (nếu có).

b. Công đoàn cấp trên thẩm định, xem xét, quyết định công nhận đoàn viên công đoàn đối với những thành viên là người lao động Việt Nam; quyết định kết nạp và đổi tên thành công đoàn cơ sở; công nhận ban chấp hành công đoàn cơ sở đối với thành viên ban lãnh đạo tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp; thành lập câu lạc bộ người lao động nước ngoài tập hợp đối tượng người lao động nước ngoài (nếu có). Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp chấm dứt kể từ thời điểm đổi tên thành công đoàn cơ sở; quyền và nghĩa vụ của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp được chuyển giao cho công đoàn cơ sở.

c. Trường hợp không đủ điều kiện thành lập công đoàn cơ sở thì công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở xem xét, quyết định công nhận đoàn viên công đoàn đối với những thành viên là người lao động Việt Nam và giới thiệu nơi sinh hoạt công đoàn cho đoàn viên mới được công nhận.

14.3. Trình tự, thủ tục sáp nhập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp

a. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp và công đoàn cơ sở hiệp y

và có biên bản hiệp y về việc sáp nhập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp vào công đoàn cơ sở cùng doanh nghiệp.

b. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp lập hồ sơ gửi ban chấp hành công đoàn cơ sở cùng doanh nghiệp để thẩm định. Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị sáp nhập vào công đoàn cơ sở cùng doanh nghiệp.

- Biên bản hiệp y giữa tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp và công đoàn cơ sở về việc sáp nhập.

- Danh sách thành viên tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp tự nguyện và đủ điều kiện công nhận đoàn viên Công đoàn Việt Nam, có chữ ký của từng thành viên.

- Hồ sơ thành lập tổ chức của người lao động, các báo cáo tình hình tài chính, tài sản (nếu có).

c. Ban chấp hành công đoàn cơ sở có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và có văn bản (kèm theo hồ sơ) đề nghị công đoàn cấp trên xem xét, quyết định sáp nhập.

d. Công đoàn cấp trên xem xét, quyết định sáp nhập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp, công nhận thành viên của tổ chức đó là đoàn viên Công đoàn Việt Nam.

đ. Sau khi sáp nhập, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp chấm dứt; quyền và nghĩa vụ của tổ chức người lao động tại doanh nghiệp được sáp nhập được chuyển giao cho công đoàn cơ sở.

14.4. Nguyên tắc liên kết hoạt động

a. Tự nguyện, đoàn kết, bình đẳng, thiện chí, đặt quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động lên trên hết, trước hết.

b. Tôn trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

c. Liên kết hoạt động giữa các tổ chức đại diện của người lao động trong doanh nghiệp phải trên cơ sở đồng thuận, phối hợp hành động bằng quy chế.

14.5. Phạm vi, đối tượng liên kết gồm công đoàn cơ sở và các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp đang hoạt động hợp pháp trong cùng một doanh nghiệp.

14.6. Nội dung liên kết

a. Thống nhất nội dung, hình thức đối thoại, thương lượng tập thể với người sử dụng lao động tại nơi làm việc.

b. Thống nhất nội dung tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện thang lương, bảng lương, định mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng, nội quy lao động và những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động.

c. Chia sẻ thông tin trong quá trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp lao động cá nhân khi được người lao động ủy quyền.

d. Thống nhất hành động trong tổ chức và lãnh đạo đình công theo đúng

quy định của pháp luật.

đ. Phối hợp hành động đảm bảo các quyền và nghĩa vụ khác của người lao động theo quy định của pháp luật.

14.7. Trách nhiệm của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

a. Hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở triển khai thực hiện nội dung phối hợp, liên kết hoạt động với tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.

b. Hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện khi tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp có nguyện vọng liên kết hoặc gia nhập hệ thống tổ chức Công đoàn Việt Nam.

c. Tuyên truyền, vận động người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

15. Công đoàn ngành địa phương theo Điều 25 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

a. Công đoàn ngành địa phương được thành lập theo ngành nghề, phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thông lệ quốc tế.

b. Công đoàn ngành địa phương do liên đoàn lao động cấp tỉnh quyết định thành lập, do vậy không nhất thiết phải có công đoàn ngành trung ương tương ứng, nhưng phải bảo đảm điều kiện về số lượng đoàn viên, tổ chức công đoàn cấp cơ sở, đáp ứng được nguyện vọng của đoàn viên, người lao động cùng ngành nghề tại địa phương.

c. Những ngành nghề phát triển nhanh, bền vững, là mũi nhọn trong phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, thành phố thì được xem xét mở rộng đối tượng tập hợp theo ngành nghề tập trung, xuyên suốt, hiệu quả, có phạm vi hoạt động rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh, thành phố.

d. Công đoàn **công chức, viên chức** tỉnh, thành phố là tổ chức tương đương công đoàn ngành địa phương. Đối tượng tập hợp là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh.

16. Điều kiện thành lập, giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn tổng công ty, tập đoàn kinh tế ngoài khu vực nhà nước theo Điều 27 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

1. Công đoàn tổng công ty, tập đoàn kinh tế ngoài khu vực nhà nước (gọi tắt là công đoàn tổng công ty) được thành lập khi có từ 2.500 đoàn viên và 15 công đoàn cơ sở trở lên.

2. Đối tượng tập hợp của công đoàn tổng công ty là đoàn viên và người lao động trong các đơn vị sử dụng lao động thuộc tổng công ty.

3. Trường hợp tổng công ty không đủ số lượng đoàn viên, công đoàn cơ sở theo quy định **tại điểm 1, Mục 16 nêu trên** thì được xem xét, quyết định giải thể hoặc sắp xếp lại và chuyển giao số lượng đoàn viên, công đoàn cơ sở cho công đoàn cấp trên trực tiếp khác quản lý, chỉ đạo.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn tổng công ty, tập đoàn kinh tế ngoài khu vực nhà nước thực hiện tương tự như quy định tại **điểm g khoản 1 Điều 27**

Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

17. Công đoàn ngành trung ương và tương đương theo Điều 30 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

17.1. Công đoàn **Công chức, Viên chức** Việt Nam là công đoàn ngành trung ương, tập hợp cán bộ, công chức, viên chức, lao động làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội ở trung ương; cơ quan bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan, đơn vị ở trung ương, các tổng cục, viện nghiên cứu, nơi không có công đoàn ngành trung ương.

17.2. Trường hợp trong một bộ có nhiều công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn, các công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty được chủ động tổ chức thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ, như sau:

a. Tham mưu cho Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về hoạt động của công đoàn ngành, công đoàn tổng công ty.

b. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại **khoản 4, Điều 30 Điều lệ Công đoàn Việt Nam.**

c. Tham gia và phối hợp với các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc xây dựng quy chế về mối quan hệ phối hợp chỉ đạo công đoàn ngành địa phương hoạt động theo ngành, nghề (nếu có) và mối quan hệ phối hợp chỉ đạo công đoàn cơ sở thuộc công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, văn hóa, xã hội ở địa phương.

d. Việc phối hợp hoạt động giữa các công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trong cùng một bộ do công đoàn ngành đứng tên bộ chủ trì các hoạt động phối hợp. Nội dung, chương trình phối hợp phải được các công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trong cùng một bộ xây dựng quy chế, nhưng không trái quy định của Điều lệ và các quy định, hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

18. Công tác nữ công và ban nữ công công đoàn theo Điều 34, Điều 35 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

18.1. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, ban thường vụ liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn tổ chức bộ máy và phân công cán bộ chuyên trách tham mưu, giúp việc về công tác nữ công theo thẩm quyền quy định.

18.2. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; công đoàn cấp cơ sở có từ 10 đoàn viên nữ trở lên được thành lập ban nữ công quần chúng để tham mưu, giúp việc về công tác nữ công theo nhiệm kỳ của ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

Ban chấp hành công đoàn cùng cấp có trách nhiệm thành lập ban nữ công quần chúng chậm nhất sau 3 tháng kể từ khi có quyết định công nhận ban chấp hành của cấp có thẩm quyền .

a. Số lượng thành viên ban nữ công quần chúng do ban chấp hành công đoàn cùng cấp quyết định từ ba người trở lên và tối đa không vượt quá hai phần ba

(2/3) số lượng ủy viên ban chấp hành công đoàn cùng cấp (trừ trường hợp ban chấp hành có ba người).

b. Cơ cấu ban nữ công quần chúng gồm một số đoàn viên nữ là ủy viên ban chấp hành và không là ủy viên ban chấp hành. Số thành viên ban nữ công quần chúng là ủy viên ban chấp hành công đoàn cùng cấp không vượt quá 1/3 tổng số thành viên ban nữ công quần chúng.

Ban Nữ công quần chúng gồm có 01 trưởng ban, 01 hoặc 02 phó trưởng ban và các thành viên. Trưởng ban nữ công là nữ ủy viên ban chấp hành. Trường hợp ban chấp hành không có nữ thì chỉ định một đoàn viên nữ ngoài ban chấp hành làm trưởng ban và phân công một ủy viên ban chấp hành phụ trách công tác nữ công.

18.3. Đối với công đoàn **cấp** cơ sở có dưới 10 đoàn viên nữ thì chỉ định một ủy viên ban chấp hành hoặc **cử** một đoàn viên nữ phụ trách công tác tham mưu tổ chức các hoạt động nữ công.

18.4. Ban nữ công quần chúng không đủ điều kiện tồn tại và hoạt động thì ban chấp hành công đoàn cùng cấp xem xét quyết định giải thể. Khi ban chấp hành công đoàn cùng cấp kết thúc nhiệm kỳ hoặc chấm dứt hoạt động theo quyết định của công đoàn cấp trên, thì ban nữ công quần chúng đương nhiên chấm dứt nhiệm vụ.

18.5. Nhiệm vụ, quyền hạn của ban nữ công quần chúng

a. Tham mưu giúp ban chấp hành công đoàn cùng cấp xây dựng chương trình, nội dung, kinh phí tổ chức các hoạt động triển khai công tác nữ công trong nhiệm kỳ và hàng năm **nhằm chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho đoàn viên nữ, lao động nữ.**

b. Nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nữ đoàn viên, người lao động và phản ánh, đề xuất, kiến nghị với ban chấp hành công đoàn cùng cấp; Tham gia **xây dựng**, thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện chế độ, chính sách lao động nữ, tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nữ đoàn viên, người lao động.

c. Phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên nữ ưu tú để giới thiệu cho ban chấp hành công đoàn trong quá trình tham gia công tác quy hoạch, đào tạo và xem xét giới thiệu bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo các cấp. Đại diện cho nữ đoàn viên, người lao động tham gia các tổ chức hợp pháp có liên quan đến lao động nữ, trẻ em, dân số, gia đình, bình đẳng giới và vì sự phát triển của phụ nữ.

d. Tuyên truyền, giáo dục nữ đoàn viên, người lao động về đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung, hoạt động nữ công và những nội dung có liên quan đến lao động nữ nói riêng. Tổ chức các phong trào thi đua trong **đoàn viên nữ, lao động nữ**. Vận động **đoàn viên nữ, lao động nữ** tham gia các hoạt động xã hội và các phong trào thi đua chung do công đoàn phát động.

19. Tài chính, tài sản công đoàn theo Điều 36, Điều 37 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn có hướng dẫn, quy định riêng về đóng đoàn phí của đoàn viên; hoạt động thu, phân cấp thu, phân phối nguồn thu, sử dụng, quản lý tài chính, tài sản, hoạt động kinh tế, xây dựng cơ bản của công đoàn.

20. Công tác kiểm tra, giám sát theo Điều 38 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

20.1. Công đoàn các cấp có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát ở cấp mình, cấp dưới và chịu sự kiểm tra, giám sát của công đoàn cấp trên.

20.2. Ban chấp hành công đoàn các cấp quyết định chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát của cấp mình và chỉ đạo công đoàn cấp dưới xây dựng chương trình kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa, hàng năm, 6 tháng về việc chấp hành Điều lệ Công đoàn, thực hiện nghị quyết đại hội, các nghị quyết, chương trình của ban chấp hành công đoàn cùng cấp và công đoàn cấp trên; giám sát, kiểm tra tài chính, tài sản công đoàn cùng cấp và cấp dưới; xử lý và tham mưu xử lý kỷ luật; giải quyết và tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo; bồi dưỡng và hướng dẫn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ kiểm tra.

20.3. Ban chấp hành công đoàn các cấp chịu trách nhiệm trước công đoàn cấp trên về công tác kiểm tra, giám sát công đoàn cùng cấp và cấp dưới; thực hiện nhiệm vụ báo cáo công tác kiểm tra, giám sát trước đại hội, hội nghị công đoàn cùng cấp.

20.4. Ban thường vụ công đoàn các cấp (nơi có ban thường vụ) chịu trách nhiệm trước ban chấp hành về tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát.

21. Ủy ban kiểm tra công đoàn theo Điều 39 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

21.1. Công đoàn cơ sở có từ 30 đoàn viên trở lên được bầu ủy ban kiểm tra để giúp việc cho ban chấp hành về công tác kiểm tra, giám sát.

21.2. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra do ban chấp hành công đoàn cùng cấp quyết định theo quy định sau:

a. Ủy ban kiểm tra công đoàn cơ sở không quá 07 ủy viên (công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận không có ủy ban kiểm tra).

b. Ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở không quá 09 ủy viên.

c. Ủy ban kiểm tra liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương không quá 11 ủy viên.

d. Số lượng ủy viên Ủy ban Kiểm tra và số lượng phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn quyết định. Chủ tịch Tổng Liên đoàn ký ban hành quyết định công nhận ủy viên Ủy ban Kiểm tra và các chức danh của Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn.

21.3. Nguyên tắc, điều kiện người làm công tác kiểm tra công đoàn

a. Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra liên đoàn tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương phải là cán bộ công đoàn chuyên trách.

b. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có từ ba cán bộ công đoàn chuyên

trách trở lên thì cơ cấu cán bộ công đoàn chuyên trách làm chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm hoặc ủy viên ủy ban kiểm tra.

c. Không cơ cấu người là chủ tài khoản, được ủy quyền chủ tài khoản, kế toán trưởng, trưởng, phó ban tài chính của công đoàn cùng cấp tham gia ủy ban kiểm tra công đoàn.

21.4. Trình tự, thủ tục bầu phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra

a. Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn (nếu có) bầu trong số ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn.

b. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc hội nghị lần thứ nhất của ban chấp hành, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra phải triệu tập hội nghị lần thứ nhất của ủy ban kiểm tra để bầu phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra theo số lượng, cơ cấu phó chủ nhiệm đã được ban chấp hành cùng cấp thông qua.

c. Trường hợp bầu bổ sung phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra vượt quá số lượng đã được ban chấp hành cùng cấp thông qua, phải được sự đồng ý bằng văn bản của công đoàn cấp trên trực tiếp.

21.5. Các cấp công đoàn trước khi điều động chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra là cán bộ công đoàn chuyên trách làm công tác khác phải báo cáo và được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp.

21.6. Trình tự, thủ tục cho thôi ủy viên ủy ban kiểm tra, bầu bổ sung ủy viên ủy ban kiểm tra

a. Ủy viên ủy ban kiểm tra là cán bộ chuyên trách khi chuyển công tác khác thì đương nhiên thôi là ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn. Ủy viên ủy ban kiểm tra không là cán bộ công đoàn chuyên trách khi chuyển công tác khác không thuộc cơ cấu đã được công đoàn cấp trên phê duyệt thì ban chấp hành công đoàn cùng cấp xem xét cho thôi hoặc không cho thôi ủy viên ủy ban kiểm tra và phải báo cáo xin ý kiến công đoàn cấp trên trực tiếp.

b. Khi khuyết chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra thì ủy ban kiểm tra báo cáo ban chấp hành cùng cấp trình xin ý kiến công đoàn cấp trên để thực hiện quy trình thôi ủy ban kiểm tra và bầu bổ sung ủy ban kiểm tra theo quy định. Trường hợp đặc biệt, công đoàn cấp trên được chỉ định bổ sung ủy viên ủy ban kiểm tra hoặc các chức danh ủy ban kiểm tra công đoàn cấp dưới, trong các trường hợp sau:

- Chỉ định cán bộ công đoàn chuyên trách làm ủy viên ủy ban kiểm tra.
- Chỉ định cán bộ công đoàn chuyên trách đang giữ chức danh hưởng phụ cấp tương đương phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trở lên làm phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.
- Chỉ định cán bộ công đoàn chuyên trách đang giữ chức danh hưởng phụ cấp tương đương chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trở lên làm chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

Việc chỉ định bổ sung ủy viên ủy ban kiểm tra hoặc các chức danh ủy ban kiểm tra công đoàn phải được ban thường vụ công đoàn cùng cấp báo cáo xin ý kiến công đoàn cấp trên và thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự theo quy định.

c. Trường hợp cần bầu bổ sung ủy ban kiểm tra vượt quá số lượng đã được công đoàn cấp trên phê duyệt, phải được sự đồng ý bằng văn bản của công đoàn cấp trên trực tiếp.

22. Nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp theo Điều 40 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

22.1. Định kỳ 6 tháng và cuối năm, ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp họp thông qua dự thảo báo cáo, chương trình công tác kiểm tra, giám sát. Sau đó hoàn chỉnh trình ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

22.2. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp làm việc theo quy chế do ban chấp hành cùng cấp ban hành và quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

22.3. Đối với công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có dưới 30 đoàn viên, người được ban chấp hành phân công làm công tác kiểm tra, giám sát có nhiệm vụ sau:

a. Tiếp nhận đơn, thư khiếu nại, tố cáo và nghiên cứu, đề xuất với ban chấp hành, ban thường vụ công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở giải quyết theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

b. Phát hiện, tham mưu, đề xuất với ban chấp hành, ban thường vụ công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở thực hiện kiểm tra, giám sát khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Công đoàn Việt Nam, công tác quản lý tài chính, tài sản công đoàn.

23. Quyền của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp theo Điều 41 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

23.1. Ủy ban kiểm tra được chủ động thực hiện quyền kiểm tra, giám sát công đoàn cùng cấp và công đoàn cấp dưới theo quy định tại Điều 31 Điều lệ và quy chế, chương trình công tác kiểm tra do ban chấp hành công đoàn cùng cấp thông qua; kiểm tra, giám sát đột xuất khi cán bộ, đoàn viên công đoàn vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm theo quy định.

23.2. Ủy ban kiểm tra Tổng Liên đoàn và ủy ban kiểm tra liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương được sử dụng con dấu riêng đối với các văn bản, báo cáo Ban chấp hành, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn (đối với Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn); ban chấp hành, ban thường vụ công đoàn cùng cấp; hướng dẫn, chỉ đạo ủy ban kiểm tra công đoàn cấp dưới; trả lời ý kiến hoặc đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

23.3. Con dấu và giấy tờ liên quan đến con dấu ủy ban kiểm tra công đoàn do cơ quan công đoàn cùng cấp quản lý, việc sử dụng con dấu ủy ban kiểm tra công đoàn theo quy định của Tổng Liên đoàn.

24. Khen thưởng của công đoàn theo Điều 42 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

24.1. Tổ chức công đoàn các cấp, cán bộ, đoàn viên công đoàn có thành tích và những người không phải là đoàn viên công đoàn có nhiều cống hiến cho tổ chức Công đoàn Việt Nam, được xem xét, khen thưởng, tặng Kỷ niệm chương Công đoàn, theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

24.2. Việc đề nghị khen thưởng của các cấp công đoàn thực hiện theo Luật Thi đua khen thưởng, quy định về thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn

của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

25. Kỷ luật của công đoàn theo Điều 43 Điều lệ Công đoàn Việt Nam

25.1. Kỷ luật một tổ chức công đoàn và cán bộ, đoàn viên công đoàn phải được xem xét tập thể, dân chủ, công khai và theo quy định của Tổng Liên đoàn.

25.2. Cán bộ công đoàn cấp nào khi vi phạm, do công đoàn cấp đó xét, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kỷ luật theo quy định.

25.3. Cán bộ, đoàn viên bị công đoàn cấp trên xử lý kỷ luật, đương nhiên được thi hành ở nơi cán bộ, đoàn viên đang sinh hoạt công đoàn mà không phải xem xét, xử lý kỷ luật ở cấp dưới.

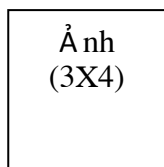
25.4. Tổ chức, cán bộ, đoàn viên công đoàn phải chấp hành nghiêm quyết định kỷ luật. Nếu không đồng ý thì có quyền khiếu nại, nhưng khi chưa được tổ chức công đoàn có thẩm quyền giải quyết vẫn phải chấp hành nghiêm quyết định kỷ luật đã công bố.

25.5. Sau một năm kể từ khi có quyết định kỷ luật, nếu đoàn viên hoặc cán bộ công đoàn bị kỷ luật có tiến bộ, không tái phạm thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực.

26. Một số mẫu, biểu liên quan

1. Mẫu sơ yếu lý lịch nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, uỷ ban kiểm tra, các chức danh trong ban chấp hành, uỷ ban kiểm tra và đại biểu dự đại hội công đoàn cấp trên:

Mẫu số 01



SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên (chữ in hoa):.....; giới tính (nam, nữ).....
- Ngày tháng năm sinh:.....; dân tộc.....
- Quê quán:.....
- Nơi ở hiện nay:.....
- Điện thoại:....., Email:.....
- Thành phần gia đình xuất thân:.....
- Trình độ giáo dục phổ thông:.....
- Trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ:.....
- Trình độ lý luận chính trị (nếu có):.....
- Ngày, tháng, năm tham gia Công đoàn Việt Nam:
- Ngày, tháng, năm vào làm việc tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hiện nay:
- Ngày, tháng, năm vào Đảng CSVN (nếu có):.....ngày chính thức:

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

-
-
-
- Khen thưởng:.....
-
- Kỷ luật:

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ NƠI CÔNG TÁC

2. Mẫu danh sách trích ngang nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, uỷ ban kiểm tra, các chức danh trong ban chấp hành, uỷ ban kiểm tra và đại biểu dự đại hội công đoàn cấp trên:

Mẫu số 02

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG LÝ LỊCH
BAN CHẤP HÀNH, ... CÔNG ĐOÀN**

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Đảng viên ²	Trình độ				Tham gia BCH	
			Nam	Nữ				Học vấn	Chuyên môn	Chính trị	Ngoại ngữ	Lần đầu	Tái cử
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

**TM. BAN CHẤP HÀNH
(HOẶC BAN THƯỜNG VỤ)**
Ký tên, đóng dấu

3. Mẫu phiếu bầu cử

Mẫu số 3a- Dùng để bầu cử có số dư

ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN
LẦN THỨ, NHIỆM KỲ
(Dấu của BCH công đoàn)

PHIẾU BẦU CỬ
....., KHÓA....., NHIỆM KỲ

TT	HỌ VÀ TÊN
1	
2	
...	

² Nếu là đảng viên thì ghi năm kết nạp

Mẫu số 3b- Dùng để bầu cử có số dư

ĐẠI HỘI THÀNH LẬP CÔNG ĐOÀN

.....
(chữ ký của trưởng ban vận động)

PHIẾU BẦU CỬ

.....

TT	HỌ VÀ TÊN
1	
2	
...	

Mẫu số 3c- Dùng để bầu cử không có số dư

ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN

LẦN THỨ, NHIỆM KỲ

(Dấu của BCH công đoàn)

PHIẾU BẦU CỬ

.....

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐỒNG Ý	KHÔNG ĐỒNG Ý
1			
2			
...			

Mẫu số 3d- Dùng để bầu cử có số dư

HỘI NGHỊ LẦN THỨ
BCH CÔNG ĐOÀN.....

(Dấu của BCH công đoàn)

PHIẾU BẦU CỬ
....., **KHÓA.....**, **NHIỆM KỲ**

TT	HỌ VÀ TÊN
1	
2	
...	

Mẫu số 3đ- Dùng để bầu cử không có số dư

HỘI NGHỊ LẦN THỨ
BCH CÔNG ĐOÀN.....

(Dấu của BCH công đoàn)

PHIẾU BẦU CỬ
.....

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐỒNG Ý	KHÔNG ĐỒNG Ý
1			
2			
...			

4. Mẫu biên bản kiểm phiếu

Mẫu 4a: Biên bản kiểm phiếu bầu cử ban chấp hành hoặc đại biểu dự đại hội công đoàn cấp trên tại đại hội công đoàn³

ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN

...KHÓA...NHIỆM KỲ...

(Dấu của BCH công đoàn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

Bầu cử

Chúng tôi được Đại hội..... lần thứ....., nhiệm kỳ..., bầu vào Ban kiểm phiếu để tổ chức bầu cửgồm:

- Đồng chíTrưởng ban vàủy viên (danh sách kèm theo).

Ban kiểm phiếu đã phổ biến thể thức bầu cử để đại biểu thực hiện quyền bầu cử theo đúng nguyên tắc và quy định của Điều lệ. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số đại biểu chính thức được triệu tập dự Đại hội đại biểu;

- Tổng số đại biểu chính thức có mặt dự Đại hội đại biểu;

- Tổng số đại biểu chính thức tham gia bỏ phiếu đại biểu;

- Đại hội đã quyết định số lượnglà đồng chí;

- Đại hội đã nhất trí danh sách bầu cử gồm đồng chí (danh sách kèm theo);

Trong đó:

- Ứng cử đồng chí;

- Đề cử đồng chí;

- Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu phát ra phiếu;

- Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu thu về phiếu;

- Số phiếu hợp lệ phiếu;

- Số phiếu không hợp lệ phiếu;

- Kết quả kiểm phiếu theo danh sách bầu cử như sau: (danh sách kèm theo);

- Căn cứ quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam, danh sách trúng cử có số phiếu tín nhiệm từ cao đến thấp như sau: (danh sách kèm theo).

- Ban kiểm phiếu xin trân trọng báo cáo Đoàn Chủ tịch và toàn thể đại biểu dự Đại hội.

Biên bản này lập thành 03 bản, gửi Đoàn Chủ tịch để lưu hồ sơ Đại hội.

Làm tạihồi.....giờ.....ngàytháng....năm.....

TRƯỞNG BAN

³ Vận dụng để lập biên bản bầu cử tại hội nghị công đoàn.

Mẫu số 4b: Biên bản kiểm phiếu bầu cử chức danh chủ tịch tại đại hội công đoàn cấp cơ sở⁴

ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN

...KHÓA...NHIỆM KỲ...

(Dấu của BCH công đoàn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

Bầu cử chức danh Chủ tịch Công đoàn.....khoá ..., nhiệm kỳ....

Chúng tôi được Đại hội Công đoàn cơ sở lần thứ....., nhiệm kỳ..., bầu vào Ban kiểm phiếu để tổ chức bầu cử chức danh Chủ tịch công đoàngồm:

- Đồng chíTrưởng banủy viên (danh sách kèm theo).

Ban kiểm phiếu đã phổ biến thể thức bầu cử để đại biểu thực hiện quyền bầu cử theo đúng nguyên tắc và quy định của Điều lệ. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số đại biểu chính thức được triệu tập dự Đại hội đại biểu;

- Tổng số đại biểu chính thức có mặt dự Đại hội đại biểu;

- Tổng số đại biểu chính thức tham gia bỏ phiếu đại biểu;

- Đại hội đã nhất trí danh sách bầu cử gồm đồng chí (danh sách kèm theo);

Trong đó:

- Ứng cử đồng chí;

- Đề cử đồng chí;

- Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu phát ra phiếu;

- Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu thu về phiếu;

- Số phiếu hợp lệ phiếu;

- Số phiếu không hợp lệ phiếu;

- Kết quả kiểm phiếu bầu cử như sau:

- Căn cứ quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam, đồng chí đã trúng cử chủ tịch, nhiệm kỳ

- Ban kiểm phiếu xin trân trọng báo cáo Đoàn Chủ tịch và toàn thể đại biểu dự Đại hội.

Biên bản này lập thành 03 bản, gửi Đoàn Chủ tịch để lưu hồ sơ Đại hội.

Làm tạihồi.....giờ.....ngàytháng....năm.....

TRƯỞNG BAN

⁴ Vận dụng để lập biên bản bầu cử chủ tịch tại hội nghị công đoàn cơ sở

Mẫu số 4c: Biên bản kiểm phiếu bầu cử ban thường vụ, phó chủ tịch, ủy ban kiểm tra, tại hội nghị ban chấp hành công đoàn⁵

HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH
....KHÓA...., NHIỆM KỲ...
(Dấu của BCH công đoàn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

Bầu cửkhoá ..., nhiệm kỳ.....

Chúng tôi được Hội nghị lần thứ..... ban chấp hành bầu vào Ban kiểm phiếu để tổ chức bầu cử khoá, nhiệm kỳ....., gồm:

- Đồng chíTrưởng ban vàủy viên (có danh sách kèm theo).

Ban kiểm phiếu đã phổ biến thể thức bầu cử để đại biểu thực hiện quyền bầu cử theo đúng nguyên tắc và quy định của Điều lệ. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số đại biểu chính thức được triệu tập dự hội nghị đại biểu;
- Tổng số đại biểu chính thức có mặt dự hội nghị đại biểu;
- Tổng số đại biểu chính thức tham gia bỏ phiếu đại biểu;
- Hội nghị đã quyết định số lượnglà đồng chí;
- Hội nghị đã nhất trí danh sách bầu cử gồm đồng chí (danh sách kèm theo);

Trong đó:

- Ứng cử đồng chí;
- Đề cử đồng chí;
- Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu phát ra phiếu;
- Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu thu về phiếu;
- Số phiếu hợp lệ phiếu;
- Số phiếu không hợp lệ phiếu;
- Kết quả kiểm phiếu theo danh sách bầu cử như sau: (danh sách kèm theo);
- Căn cứ quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam, danh sách trúng cử có số phiếu tín nhiệm từ cao đến thấp như sau: (danh sách kèm theo).
- Ban kiểm phiếu xin trân trọng báo cáo Đoàn Chủ tịch và toàn thể đại biểu dự Hội nghị.

Biên bản này lập thành 03 bản, gửi Đoàn Chủ tịch để lưu hồ sơ Hội nghị.

Làm tạihội.....giờ.....ngàytháng....năm.....

TRƯỞNG BAN

⁵ Vận dụng để lập biên bản bầu cử phó chủ nhiệm UBKT công đoàn

Mẫu số 4d: Biên bản kiểm phiếu bầu cử chức danh chủ tịch tại hội nghị ban chấp hành công đoàn⁶

HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH
....KHÓA...., NHIỆM KỲ...
(*Dấu của BCH công đoàn*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
Bầu cử chức danh Chủ tịch.....khoá, nhiệm kỳ....

Chúng tôi được Hội nghị lần thứ..... ban chấp hành bầu vào Ban kiểm phiếu để tổ chức bầu cử chức danh chủ tịch khoá, nhiệm kỳ....., gồm:

- Đồng chí Trưởng ban và uỷ viên (danh sách kèm theo).

Ban kiểm phiếu đã phổ biến thể thức bầu cử để đại biểu thực hiện quyền bầu cử theo đúng nguyên tắc và quy định của Điều lệ. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số đại biểu chính thức được triệu tập dự hội nghị đại biểu;
- Tổng số đại biểu chính thức có mặt dự hội nghị đại biểu;
- Tổng số đại biểu chính thức tham gia bỏ phiếu đại biểu;
- Hội nghị đã nhất trí danh sách bầu cử gồm đồng chí (danh sách kèm theo);

Trong đó:

- Ứng cử đồng chí;
- Đề cử đồng chí;
- Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu phát ra phiếu;
- Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu thu về phiếu;
- Số phiếu hợp lệ phiếu;
- Số phiếu không hợp lệ phiếu;
- Kết quả kiểm phiếu theo danh sách bầu cử như sau:

- Căn cứ quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam, đồng chí đã trúng cử chủ tịch, nhiệm kỳ

- Ban kiểm phiếu xin trân trọng báo cáo Đoàn Chủ tịch và toàn thể đại biểu dự hội nghị.

Biên bản này lập thành 03 bản, gửi Đoàn Chủ tịch để lưu hồ sơ Hội nghị.

Làm tạihồi.....giờ.....ngàytháng....năm.....

TRƯỞNG BAN

⁶ Vận dụng để lập biên bản bầu cử chức danh chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn

Mẫu số 4đ: Biên bản kiểm phiếu bầu cử ban chấp hành tại đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở:

**ĐẠI HỘI THÀNH LẬP
CÔNG ĐOÀN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
Bầu cử Ban Chấp hành công đoàn.....**

Chúng tôi được Đại hội thành lập công đoàn, bầu vào Ban kiểm phiếu tổ chức bầu cử Ban Chấp hành công đoàn..... gồm: Đồng chíTrưởng ban vàủy viên (danh sách kèm theo).

Ban kiểm phiếu đã phổ biến thể thức bầu cử để đại biểu thực hiện quyền bầu cử theo đúng nguyên tắc và quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số lao động có đơn xin gia nhập Công đoàn Việt Nam: người;
- Tổng số lao động đã là đoàn viên Công đoàn Việt Nam: người;
- Tổng số đại biểu chính thức có mặt dự Đại hội đại biểu;
- Tổng số đại biểu chính thức tham gia bỏ phiếu đại biểu;
- Đại hội đã quyết định số lượng ban chấp hành là đồng chí;
- Đại hội đã nhất trí danh sách bầu cử gồm đồng chí (danh sách kèm theo);

Trong đó:

- Ứng cử đồng chí;
- Đề cử đồng chí;
- Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu phát ra phiếu;
- Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu thu về phiếu;
- Số phiếu hợp lệ phiếu;
- Số phiếu không hợp lệ phiếu;
- Kết quả kiểm phiếu theo danh sách bầu cử như sau: (danh sách kèm theo);
- Căn cứ quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam, danh sách trúng cử ban chấp hành công đoàn có số phiếu tín nhiệm từ cao đến thấp như sau: (danh sách kèm theo).

- Ban kiểm phiếu xác định kết quả Đại hội (đã bầu đủ hoặc chưa bầu đủ theo số lượng Đại hội đã quyết định), xin trân trọng báo cáo Đoàn Chủ tịch và toàn thể đại biểu dự Đại hội.

Biên bản này lập thành 03 bản, gửi Đoàn Chủ tịch để lưu hồ sơ Đại hội.

Làm tạihồi.....giờ.....ngàytháng....năm.....

TRƯỞNG BAN VẬN ĐỘNG ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Mẫu số 4e: Biên bản kiểm phiếu bầu cử chủ tịch tại đại hội thành lập công đoàn cơ sở

**ĐẠI HỘI THÀNH LẬP
CÔNG ĐOÀN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
Bầu cử Chủ tịch công đoàn**

Chúng tôi được Đại hội thành lập công đoàn cơ sở, bầu vào Ban kiểm phiếu để tổ chức bầu cử chủ tịch công đoàn gồm: Đồng chí Trưởng ban và uỷ viên (danh sách kèm theo).

Ban kiểm phiếu đã phổ biến thể thức bầu cử để đại biểu thực hiện quyền bầu cử theo đúng nguyên tắc và quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số lao động có đơn xin gia nhập Công đoàn Việt Nam: người;
- Tổng số lao động đã là đoàn viên Công đoàn Việt Nam: người;
- Tổng số đại biểu chính thức có mặt dự Đại hội đại biểu;
- Tổng số đại biểu chính thức tham gia bỏ phiếu đại biểu;
- Đại hội đã nhất trí danh sách bầu cử gồm đồng chí (danh sách kèm theo);

Trong đó:

- Ứng cử đồng chí;
- Đề cử đồng chí;
- Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu phát ra phiếu;
- Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu thu về phiếu;
- Số phiếu hợp lệ phiếu;
- Số phiếu không hợp lệ phiếu;
- Kết quả kiểm phiếu bầu cử như sau:
- Căn cứ quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam, đồng chí đã trúng cử chủ tịch công đoàn cơ sở tại Đại hội thành lập công đoàn

Biên bản này lập thành 03 bản, gửi Đoàn Chủ tịch để lưu hồ sơ Đại hội.

Làm tạihôm.....giờ.....ngàytháng....năm.....

TRƯỞNG BAN VẬN ĐỘNG ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

5. Mẫu đơn xin gia nhập Công đoàn Việt Nam

Mẫu số 5a: Đơn dành cho cá nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN GIA NHẬP CÔNG ĐOÀN

Kính gửi: Ban Vận động thành lập CĐCS.....

(hoặc gửi Công đoàn cấp trên.....)

- Tên tôi là:; Nam/nữ :
- Sinh ngày:; Dân tộc:
- Quê quán:.....
- Nơi ở hiện nay:.....
- Số điện thoại:..... Email :.....
- Nơi làm việc hiện nay:
- Vị trí công việc đang làm:

Sau khi tìm hiểu Điều lệ Công đoàn Việt Nam, tôi tán thành và tự nguyện làm đơn xin gia nhập tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Khi là đoàn viên của Công đoàn Việt Nam, tôi xin hứa: Thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của đoàn viên; chấp hành nghiêm chỉnh theo sự phân công của tổ chức, các quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam, thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của tổ chức công đoàn và đóng đoàn phí đầy đủ.

....., ngày tháng ... năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 5b: Đơn dành cho tập thể người lao động

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN GIA NHẬP CÔNG ĐOÀN

Kính gửi: Ban Vận động thành lập CĐCS.....

(hoặc gửi Công đoàn cấp trên.....)

Chúng tôi gồm.... người lao động tại, sau khi tìm hiểu Điều lệ Công đoàn Việt Nam, chúng tôi tán thành và tự nguyện ký đơn xin gia nhập Công đoàn Việt Nam.

Chúng tôi xin chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, đóng đoàn phí đầy đủ và thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của tổ chức Công đoàn.

Danh sách người lao động xin gia nhập Công đoàn Việt Nam:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Số chứng minh thư hoặc thẻ căn cước	Số điện thoại	Ký tên
		Nam	Nữ				
1							
2							
3							
...							

....., ngày tháng năm

Người lập danh sách
(hoặc trưởng ban vận động)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện một số nhóm CNLĐ
(Ký, ghi rõ họ tên)

6. Mẫu quyết định công nhận đoàn viên, công nhận công đoàn cấp cơ sở
Mẫu số 6a: Quyết định kết nạp đoàn viên công đoàn

TÊN CĐ CẤP TRÊN
TÊN CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ
Số: /QĐ-.,.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kết nạp đoàn viên công đoàn

BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN...
(Hoặc BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN)

- Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành công đoàn, họp ngày ..;
- Xét đơn xin gia nhập Công đoàn Việt Nam của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chuẩn y kết nạp đồng chí (hoặc ... đồng chí có tên trong danh sách kèm theo) vào Công đoàn Việt Nam, kể từ ngày ... tháng... năm...

Điều 2. Đoàn viên công đoàn có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị, tập thể có liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CĐ cấp trên (để BC)
- Lưu: ...

Mẫu số 6b: Quyết định công nhận đoàn viên công đoàn

TÊN CƠ TỈNH (NGÀNH TW)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN CƠ CẤP QUYẾT ĐỊNH

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đoàn viên công đoàn

BAN THƯỜNG VỤ

- Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- Căn cứ Tờ trình kèm theo hồ sơ Đại hội thành lập công đoàn cơ sở ngày/tháng...../năm của tập thể người lao động đang làm việc tại
- Sau khi thẩm định đơn xin gia nhập Công đoàn Việt Nam của người lao động và kết quả Đại hội thành lập Công đoàn cơ sở

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận đồng chí có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này là đoàn viên công đoàn kể từ ngày (*ngày tuyên bố thành lập tại Đại hội thành lập CDCS*).

Điều 2. Đoàn viên công đoàn có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị, tập thể có liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cơ cấp trên (để BC)
- Lưu: ...

7. quyết định công nhận công đoàn cơ sở, ban chấp hành công đoàn cơ sở

Mẫu số 7a: Quyết định công nhận công đoàn cơ sở

TÊN CĐ CẤP TRÊN
TÊN CĐ CẤP QUYẾT ĐỊNH

Số: /QĐ-.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận công đoàn cơ sở
(tên tổ chức công đoàn được công nhận)

BAN THƯỜNG VỤ

- Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- Căn cứ Tờ trình kèm theo hồ sơ Đại hội thành lập công đoàn cơ sở ngày/tháng...../năm của tập thể người lao động đang làm việc tại
- Sau khi thẩm định quá trình vận động thành lập công đoàn cơ sở và kết quả Đại hội thành lập Công đoàn cơ sở

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận Công đoàn cơ sở được thành lập từ ngày *(ngày tuyên bố thành lập tại Đại hội thành lập CĐCS)*.

Điều 2. Công đoàn cơ sở..... trực thuộc *(tên công đoàn cấp trên trực tiếp quản lý)*; có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng, kho bạc nhà nước; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Công đoàn cơ sở và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CĐ cấp trên (để BC)
- Cơ quan quản lý LĐ ĐP;
- Cơ quan Công an ĐP;
- Người SDLĐ (để biết);
- Lưu:

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH

(ký tên, đóng dấu)

TÊN CĐ CẤP TRÊN
TÊN CĐ CẤP QUYẾT ĐỊNH

Số: /QĐ-.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận ban chấp hành công đoàn cơ sở
(tên tổ chức công đoàn được công nhận)

BAN THƯỜNG VỤ

- Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- Căn cứ Tờ trình kèm theo hồ sơ Đại hội thành lập công đoàn cơ sở ngày/tháng...../năm của tập thể người lao động đang làm việc tại
- Sau khi thẩm định quá trình vận động thành lập công đoàn cơ sở và kết quả Đại hội thành lập Công đoàn cơ sở

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận ban chấp hành công đoàn cơ sở được bầu tại Đại hội nghị thành lập Công đoàn cơ sở.... ngày/...../....., gồm các đồng chí có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn, đơn vị công tác	Chức vụ công đoàn
1	Nguyễn Văn A	Kỹ thuật viên phân xưởng X	Chủ tịch
2	Trần Thị B	Nhân viên phòng M	Ủy viên BCH
3

Điều 2. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở..... hoạt động theo quy định của Điều lệ có nhiệm vụ phân công nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động công đoàn kể từ ngày được công nhận thành lập.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Chấp hành công đoàn cơ sở và các cá nhân có tên tại Điều 1, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CĐ cấp trên (để BC)
- Cơ quan quản lý LĐ ĐP;
- Cơ quan Công an ĐP;
- Người SDLĐ (để biết);
- Lưu:

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH
(ký tên, đóng dấu)
